**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 5**

Từ ngày 7-10-2024 đến ngày 11-10- 2024

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứ | Ngày | Môn | Tiết | Tên bài dạy |
| Hai | Sáng | T.Việt | 29 | **Chia sẻ và bài đọc 1:** Cau |
| T.Việt | 30 | **Chia sẻ và bài đọc 1:** Cau |
| Toán | 21 | Yến, tạ, tấn |
| 7-10 |  |  |  |
| Chiều | LS&ĐL | 9 | Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tt) |
| ĐĐ | 5 | Bài 3: Em nhận biết sự cảm thông ……………( T1) |
| Ba | Sáng | SHĐ+ H ĐTN | 5+13 | Sinh hoạt đội + Viết thư cho tương lai |
| Toán | 22 | Yến, tạ, tấn |
| T.Việt | 31 | **Bài viết 1:** Tả cây cối |
| K.Học | 9 | Bài 5. Sự chuyển động của không khí ( Tiết 1) |
| 8-10  Chiều | Mĩ thuật | 5 | Bài 3: Những vật liệu khác nhau ( Tiết 1) |
| CN | 5 | Bài 3. Một số loại cây cảnh phổ biến ( T1) |
| LS&ĐL | 10 | Bài 3. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ (tt) |
| Tư | Chiều | T. Việt | 32 | **Nói và nghe:** Kể chuyện: Chiếc ví |
| Toán | 23 | Giây |
| GDTC | 10 | Ôn động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái. |
| 9-10 |  |  |  |
| Năm | Sáng | Toán | 24 | Thế kỉ |
| T.Việt | 33 | **Bài đọc 2:** Một người chính trực |
| HĐTN | 14 | Niềm tự hào của em |
| K.Học | 10 | Bài 5. Sự chuyển động của không khí ( Tiết 2) |
| 10-10 |  |  |  |
| Sáu | Sáng | Toán | 25 | Bài toán liên quan đến rút về đơn vị |
| T.Việt | 34 | **Luyện từ và câu:** Nhân hoá |
| T.Việt | 35 | **Bài viết 2:** Luyện tập tả cây cối |
| 11-10 | SHTT +HĐTN | 5+ 15 | Tổng kết tuần 5+ Trò chơi chuyến xe kì thú |

Ngày 4 tháng 10 năm 2024

Tổ trưởng GV

Huỳnh Thị Mỹ Lệ Đặng Thị Mỹ Linh

**TUẦN 5**

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài: CHIA SẺ VÀ BÀI ĐỌC 1: CAU Số tiết CT: 29, 30**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

**1.1. Năng lực ngôn ngữ**

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng. Tốc độ đọc khoảng 75 -80 tiếng / phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ trong bài. Hiểu nội dung và ý nghĩa của bài thơ: Miêu tả hình dáng, lợi ích của cây cau, thông qua đó ngụ ý ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người.

**1.2. Năng lực văn học**

- Biết bày tỏ sự yêu thích với những từ ngữ hay, hình ảnh đẹp.

- Biết cảm nhận những chi tiết miêu tả hình dáng, đặc điểm cây cau, qua đó ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết cùng các bạn thảo luận nhóm

- Năng lực tự chủ và tự học: Độc lập suy nghĩ để trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thể hiện được cách đọc diễn cảm theo cách hiểu và cảm nhận của mình.

**3. Góp phần phát triển phẩm chất**

- Nhân ái: Yêu thương mọi người, quan tâm chăm sóc và bảo vệ cây cối quanh em

- Trung thực: Trung thực trong các hoạt động học tập.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: KHBD, SGK.

- HS: SGK Tiếng Việt 4 .

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động: Trò chơi “ giải ô chữ”****(5p)** | |  |
| **Hướng dẫn HS giải ô chữ**  - Gọi 1 HS nêu yêu cầu trò chơi.  - GV chiếu lên bảng ô chữ. Hướng dẫn HS cùng làm mẫu dòng 1:  + Gọi 1 HS đọc to gợi ý.  + GV gọi 1 HS phát biểu.  + GV chiếu từ THẬT vào ô trống. GV lưu ý HS mỗi ô ghi một chữ cái in hoa, điền dấu thanh vào chữ có dấu thanh.  - GV nhắc lại các bước làm bài tập: Đọc gợi ý -> Phán đoán từ ngữ -> Ghi từ ngữ vào ô trống theo hàng ngang ( Mỗi ô ghi một chữ cái in hoa), số chữ phải khớp với các ô-> Sau khi điền hết các từ vào các hàng ngang, đọc từ mới xuất hiện ở cột dọc in màu xanh.  **HS thảo luận, giải ô chữ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôivào vở bài tập, phát cho HS 2 phiếu khổ to.  - GV gọi đại diện 2 nhóm lên trình bày kết quả  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  - GV hỏi :  + Nội dung các câu tục ngữ, thành ngữ nói về điều gì?  + Em hiểu trung thực là như thế nào?  - GV nhận xét, tuyên dương  **Tìm thêm từ có chứa tiếng Trung**  - GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ Truyền điện” ( tìm các từ có chứa tiếng trung)  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV giới thiệu chủ điểm : NHƯ MĂNG MỌC THẲNG, GV giới thiệu bài đọc 1 : Cau | - HS nêu yêu cầu.  - HS lắng nghe.  + 1 HS đọc gợi ý: Nói ..... không sợ mất lòng  + 1 HS phát biểu từ còn thiếu :THẬT  + HS quan sát  - HS lắng nghe  - HS thảo luận theo nhóm đôi  - Đại diên nhóm lên trình bày kết quả:  + Các từ, tiếng ở hàng ngang: *Thật, rách, ruột, măng, giữ, thật, thẳng, dự, cây*  + Từ mới xuất hiện ở cột dọc: *Trung thực.*  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - HS trả lời  + Sự trung thực, thẳng thắng.  + HS trả lời theo suy nghĩ của mình  - HS lắng nghe  - HS tham gia trò chơi : *trung thành, trung hiếu, trung kiên, trung dũng trung nghĩa,....*  - HS lắng nghe  - HS lắng nghe |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới: (60p)** | |  |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu toàn bài: giọng đọc vui tươi, nhẹ nhàng.  - HD chung cách đọc toàn bài:  - GV chia khổ: 5 khổ  + Khổ 1: bốn dòng thơ đầu  + Khổ 2: bốn dòng thơ tiếp theo  + Khổ 3: bốn dòng thơ tiếp theo  + Khổ 4: bốn dòng theo tiếp theo  + Khổ 5: còn lại  - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ  *-* Luyện đọc theo khổ: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp khổ theo nhóm đôi.  - GV gọi 2 – 3 nhóm thi đọc trước lớp  - GV nhận xét các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK *( khiêm nhường, bạc thếch, ra ràng)*  *-* GV hướng dẫn HS tra từ điển để hiểu nghĩa một số từ  - 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK.  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.  \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - GV cho HS trả lời các câu hỏi bằng bình thức trò chơi phỏng vấn:  - GV tổ chức cho HS thực hiện trò chơi phỏng vấn:  Câu 1: *Tìm các khổ thơ ứng với mỗi ý sau: a. Tả hình dáng cây cau;*  *b. Nêu ích lợi của cây cau;*  *c. Thể hiện tình cảm của tác giả với cây cau.*  Câu 2: *Những từ ngữ nào tả hình dáng cây cau gợi cho bạn liên tưởng đến con người?*  Câu 3: *Những từ ngữ, hình ảnh nào miêu tả cây cau như một con người giàu tình thương yêu, sẵn sàng giúp đỡ người khác?*  *Câu 4: Qua hình ảnh cây cau, tác giả bài thơ muốn nói lên điều gì?*  *Câu 5: Bạn học được điều gì ở bài thơ này về cách tả cây cối?*  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận.  - GV hỏi thêm: *Qua bài đọc, em hiểu nội dung bài thơ nói về điều gì?*  - GV nhận xét, gọi 2 – 3 HS nhắc lại nội dung bài  \*GD học sinh thật thà, ngay thẳng trong học tập. | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.  - HS lắng nghe cách đọc.  - Theo dõi  - HS đọc nối tiếp theo khổ kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó (Chẳng hạn:  *bạc thếch, ra ràng, …*)  - HS luyện đọc theo nhóm đôi  - 2 -3 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.  - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có).  - HS thực hiện tra từ điển  - Lớp theo dõi, đọc thầm.  - 5 HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - Theo dõi  - HS tham gia trò chơi:  Câu 1: *a. Khổ thơ 1, 2; b. Khổ thơ 3, 4; c. Khổ thơ 5.*  *Câu 2: “Dáng khiêm nhường, mảnh khảnh. Da bạc thếch tháng ngày”; “Thân bền khinh bão tố”.*  Câu 3: *“Mà tấm lòng thơm thảo/ Đỏ môi ngoại nhai trầu/ Thương yêu đàn em lắm/ Cho cưỡi ngựa tàu cau/ Nơi cho mây dừng nghỉ/ Để đi bốn phương trời/ Nơi chim về ấp trứng/ Nở những bài ca vui”.*  Câu 4: *Qua hình ảnh cây cau, tác giả ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người như: khiêm nhường, dũng cảm, thẳng thắn, giàu lòng thương yêu, sẵn sàng giúp đỡ người khác.*  *Câu 5: Tôi học được cách nhà thơ miêu tả hình dáng, phẩm chất và ích lợi của cây cau bằng các từ ngữ miêu tả con người.*  - HS nói theo suy nghĩ cá nhân: *Miêu tả hình dáng, ích lợi của cây cau. Thông qua đó, mượn hình ảnh cây cay ngụ ý ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp của con người.*  - 2- 3 HS nhắc lại nội dung bài | ***\* GV hổ trợ, gợi ý cho HS khuyết tật trả lời được các câu hỏi trong sgk*** |
| **3. Luyện tập (Đọc nâng cao)** | |  |
| - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |  |
| **4. Hoạt động củng cố và nối** tiếp (5p) | |  |
| - Qua bài đọc, em học được điều gì?  - GV nhắc nhở HS:  + Học thuộc lòng bài thơ.  + Về nhà tự đọc sách báo như đã hướng dẫn trong SGK.  + Chuẩn bị bài viết 1 *Tả cây cối* SGK tr.35. | - HS chia sẻ  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm để thực hiện. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**MÔN : TOÁN**

**Bài 14: TẤN, TẠ, YẾN (Tiết 21 )**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn.

- Mối quan hệ giữa các đơn vị yến, tạ, tấn và với đơn vị ki-lô-gam.

- Biết chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo khối lượng đã học (trong những trường hợp đơn giản)

- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo khối lượng.

**2. Năng lực chung.**

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực giao tiếp toán học.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Yêu thích môn toán.

- Có ý thức khi tham gia giao thông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Kế hoạch bài dạy, SGK toán tập 1, thẻ ghi các đơn vị đo khối lượng đã học, cân đồng hồ trên 10kg, 1 túi gạo 10kg.

- HS: SGK, VBT tập 1, ĐDHT; tìm hiểu trước ở nhà thông tin về cân nặng của một số vật có khối lượng lớn (VD: cân nặng của một chiếc xe máy, cân nặng của một con bò...)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5p)** | |  |
| - Cho hs chơi trò chơi “Ghép thẻ”  - Cách chơi: Ghép các đồ vật có khối lượng thích hợp với nó. Thực hiện trong nhóm đôi.  - Mời 1hs lên điều khiển lớp chia sẻ.  -GV nhận xét trò chơi.  -Cho hs lên bảng thực hành cân túi gạo 10kg và một số đồ vật có trong lớp.  -Cho hs xem clip Lương Thế Vinh Cân voi  \* Giới thiệu bài : Các em đã học đơn vị đo khối lượng là ki-lô-gam (kg) ở lớp 2. Để xác định cân nặng của các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn. Trong tiết toán hôm nay, các em sẽ học về ba đơn vị đo khối lượng này qua bài: Tấn, tạ, yến.  -GV ghi bảng | - HS ghép nhóm đôi, chọn và nói cho nhau nghe kết quả phù hợp.  + Xe ô tô - 1000kg  + Xe máy - 100kg  + Xe đạp - 10kg  - Các nhóm chia sẻ, nhận xét.  - HS lắng nghe.  -2-3 hs thực hiện, đọc cho các bạn nghe kết quả mình đã cân được.  - HS xem  -Hs viết vào vở |  |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức:** (10p) | |  |
| - Yêu cầu HS mở SGK/35, làm việc N2: Quan sát tranh và đọc cho nhau nghe thông tin trong sách.  - GV trình chiếu tranh trong sgk, yêu cầu vài hs đọc trước lớp  - Hãy kể tên các vật sử dụng đơn vị đo khối lượng là yến, tạ, tấn mà em biết. Thực hiện N4.  -Yêu cầu hs kể trước lớp.  -Yêu cầu hs viết vào bảng con: 3 tạ, 10 tấn, 25 yến; ….  -Yêu cầu hs đọc và nhận xét bảng con của một số hs.  - Cho lớp chơi trò chơi “gọi tên” trả lời các câu hỏi về các đơn vị đo khối lượng yến, tạ, tấn  - GV nhận xét trò chơi  +Trong các đơn vị đo khối lượng Tấn, tạ,yến, kg . Đơn vị đo nào lớn nhất, đơn vị đo nào nhỏ nhất?  +Em có nhận xét gì vế các đơn vị đo khối lượng theo thứ tự từ lớn đến bé ? Tấn, tạ yến, kg  \*Chốt: Em đã biết những đơn vị đo khối lượng nào ?  Yến, tạ, tấn là đơn vị đo khối lượng. Người ta dùng để cân các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn kg.  *Để giúp các em ước lượng được khối lượng của một số vật, mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng yến, tạ,tấn. Áp dụng đơn vị đo cuộc sống như thế nào. Chúng ta cùng đến* | - N2: đọc 10 kg là 1 yến, 100 kg là 1 tạ,  1 000 kg là 1 tấn  Để đo khối lượng các vật nặng hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn ki-lô-gam, người ta còn dùng các đơn vị: yến, tạ, tấn.   |  |  | | --- | --- | | 1 yến = 10 kg  1 tạ = 100 kg  1 tấn = 1 000 kg | 1 tạ = 10 yến  1 tấn = 10 tạ |   - Hs đọc lại  - N4 kể cho nhau nghe:  Con chó nặng 1 yến, con heo nặng 1 tạ, con bò nặng 3 tạ, ô tô nặng 2 tấn, ….  - Nhiều hs kể  - Cả lớp viết bảng con.  -Hs đọc và nhận xét. (bạn viết đúng/sai)  - 1Hs điều khiển, cả lớp cùng chơi   |  |  | | --- | --- | | 1 yến=…kg  10kg=…yến | 1 tạ=…kg  100 kg=… tạ | | 1 tạ=…yến  10 yến=…tạ | 1 tấn=…kg  1000kg=…tấn | | 1 tấn=… tạ  10 tạ=…tấn |  |   -Tấn lớn nhất, kg nhỏ nhất  -Hai đơn vị đứng liền nhau hơn kém nhau 10 lần  - kg, yến, tạ, tấn |  |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập : (15p)** | |  |
| **Bài 1.**  - Gọi HS đọc đề bài 1.  + Bài 1 yêu cầu làm gì?  - Yêu cầu hs làm cá nhân – N2 – Chia sẻ trước lớp bằng trò chơi: Ai nhanh hơn.  -Mời 2 đội lên chơi Trò chơi: Ai nhanh hơn. Chia lớp thành 2 đội. Mỗi đội chọn 4 bạn lên ghép thẻ cân nặng tương ứng với con vật. Đội nào ghép nhanh và đúng là chiến thắng.  - GV nhận xét kết quả, tuyên dương.  \*Chốt: Bài tập 1 giúp em biết điều gì?  *Để giúp các em hiểu rõ hơn về mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng yến, tạ, tấn, các phép tính có kèm đơn vị đo là yến, tạ tấn, chúng ta cùng làm bài tập 2* | - HS đọc đề.  - HS trả lời.  - HS suy nghĩ làm cá nhân.  - N2 nói cho nhau nghe, sửa sai cho nhau, báo cáo giáo viên nếu không thống nhất được đáp án.  (Con mèo: 2kg; con chó: 1 yến; con hươu: 9 tạ; con voi: 5 tấn)  -Mỗi đội chọn ra 4 bạn  - HS chơi trò chơi.  ● Con mèo cân nặng 2 kg  ● Con chó cân nặng 1 yến.  ● Con voi cân nặng 5 tấn.  ● Con hươu cao cổ cân nặng 9 tạ.  - Em biết ước lượng khối lượng của các con vật. |  |
| **Bài 2.**  - Bài 2 a yêu cầu em làm gì ?  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân – N2 – Chia sẻ trước lớp.  - Tổ chức Trò chơi Truyền điện để làm bài trên Học 10.  -Yêu cầu hs điều khiển hỏi bạn cách làm bài trước lớp  - GV nhận xét, tuyên dương.  \*Chốt: Em dựa vào kiến thức nào đã học để làm Bài 2a ?  *Các phép tính có kèm theo đơn vị đo khối lượng sẽ được thực hiện như thế nào. Các em làm Bài 2b.*  - Yêu cầu hs đọc Bài 2b.  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân vào vở BTT- Trao đổi N2- 1 hs làm bảng phụ chia sẻ trước lớp.  - GV quan sát, theo dõi giúp đỡ hs, chấm vở 1 số HS.  - GV nhận xét, tuyên dương.  \*Chốt: Khi thực hiện các phép tính có kèm theo đơn vị đo khối lượng, em cần lưu ý điều gì?  **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp:** (5p)  - Qua bài học hôm nay em biết thêm được điều gì?  -Bảng đơn vị đo khối lượng giúp ích gì cho con người trong cuộc sống?  - Nhận xét tiết học.  - Chuẩn bị bài sau: *Tấn , tạ , yến (tt)* | - Điền số thích hợp.  - Hs làm bài Cá nhân vào vở BTT  - N2: đổi vở, đọc cho nhau nghe kết quả, sửa sai cho nhau nếu có, nêu cách làm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1 yến=10kg  2 tạ=20 kg  8 yến=80kg  5tấn=5000kg | 1 tấn=10 tạ  1 tấn=100 yến  20 yến=2 tạ  30 tạ= 3 tấn | 40kg=4 yến  600kg=6 tạ  7000kg=7 tấn  100 tạ=10 tấn |   -1hs điều khiển cả lớp chơi.  +Bạn đã làm 2 tạ = 200 kg như thế nào?  -Ta có 1 tạ = 100 kg.  Vậy 2 tạ = 100 x 2 = 200kg  + Vì sao 5 tạ = 5000 kg ?  -Ta có 1 tấn = 1000kg  Vậy 5 tấn = 1000 x 5 = 5000kg  + Vì sao 20 yến = 2 tạ ?  - Ta có 10 yến = 1 tạ  Vậy 20 yến = 20 :10 = 2 tạ  + 7000 kg = 7 tấn. Bạn đã làm thế nào?  - Ta có 7000 kg = 1000 kg x 7 = 1 tấn x 7 = 7 tấn  Hoặc ta có 1000 kg=1 tấn.  Vậy 7000kg = 7000: 1000=7 tấn.  - Dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng tấn, tạ, yến, kg  - 1 HS đọc  - Hs làm bài Cá nhân  - N2 đọc và sửa sai cho nhau  -1hs làm bảng phụ chia sẻ bài trước lớp, mời các bạn nhận xét.  - Thực hiện tính vào vở nháp, viết đơn vị đo khối lượng vào kết quả.   * HS trả lời | ***\* GV hổ trợ cho HS khuyết tật biết cách đổi đợn vị đo khối lượng từ lớn sang bé và ngược lại.*** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( Nếu có ):**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

Môn : **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

Bài: **THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (T2)** Tiết: 9

Ngày thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Mô tả được đặc điểm địa hình vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. xác định được một số địa danh tiêu biểu (ví dụ: dãy Hoàng Liên Sơn, đỉnh Phan-xi-păng, Cao nguyên Mộc Châu...) trên lược đồ.

- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Biết tự chủ thực hiện sử dụng bản đồ, lược đồ.

- Sưu tầm một số tranh ảnh, tư liệu về một số địa danh tiêu biểu của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và chia sẻ với các bạn trong lớp.

- Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

- Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động tìm hiểu về vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi và luôn tự giác tìm hiểu khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể.

- Yêu và tự hào về cảnh đẹp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, máy tính, máy chiếu, Bản đồ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- HS: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động (5 p)**  - GV cho HS chơi trò chơi: Đuổi hình bắt chữ  + Hình 1: từ khóa: địa hình  + Hình 2: từ khóa: khí hậu  + Hình 3: từ khóa: sông ngòi  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Hình thành kiến thức mới (10 p)**  *\* Kĩ thuật mảnh ghép*  GV chia lớp thành 6 nhóm chuyên gia TLCH  - Nhóm 1, 2: Đọc thông tin Quan sát H1-T15 SGK và tranh ảnh về dãy Hoàng Liên Sơn,  Trung du và cao nguyên Đồng Văn  ( tỉnh Hà Giang),  Cao nguyên Mộc Châu  ( tỉnh Sơn La) …  em hãy:  + Xác định vị trí dãy Hoàng Liên Sơn,  đỉnh Phan-xi-păng,  Cao nguyên Mộc Châu.  + Mô tả địa hình vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Nhóm 3, 4: Đọc thông tin Quan sát H2-T16 SGK, em hãy:  + Mô tả đặc điểm khí hậu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Hãy giới thiệu về một bức ảnh tuyết rơi ở Trung du và miền núi Bắc Bộ mà em đã sưu tầm.  - Nhóm 5, 6:  + Xác định vị trí sông Hồng, sông Đà và sông Lô trên H1-T15 SGK  + Đọc thông tin và quan sát H3-T16 SGK, em hãy mô tả đặc điểm sông ngòi của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  *\* Nhóm mảnh ghép*  - Y/c các nhóm điểm danh và thực hiện nhóm mảnh ghép  - Y/c các nhóm trao đổi và hoàn thành phiếu bài tập  - Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều dạng địa hình khác nhau:  núi,  đồi,  cao  nguyên, … Khí hậu có sự khác biệt giữa mùa hè và mùa đông.  Do địa hình dốc nên sông ở đây có nhiều thác ghềnh,  nước chảy mạnh.  **3. Luyện tập thực hành (15 p)**  - Đưa các H4,5,6 SGK-T18, y/c HS đọc tên.  - GV chia lớp thành nhóm 4HS, y/c HS thảo luận và TLCH:  + Quan sát H4,5,6 chỉ vị trí tương ứng của các địa điểm này trên lược đồ tự nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  + Em hãy lựa chọn một địa điểm và nói những hiểu biết của mình về địa điểm đó (vị trí địa lí, các tỉnh thành...)  - GV nhận xét, tuyên dương  **\* GDQPAN:** GV nêu ý nghĩa và tầm quan trọng của dãy Hoàng Liên Sơn.  **4. Vận dụng (5p)**  - Y/c HS trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ tiết trước: Vào kỳ nghỉ Tết Nguyên Đán,  bạn  Lan cùng bố mẹ đi du lịch ở Sapa (tỉnh Lào Cai).  Theo em,  bạn Lan cần chuẩn bị trang phục như thế nào cho phù hợp?  Vì  sao?  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS chơi: xem hình nêu từ tương ứng với mỗi hình  - HS lắng nghe.  - Các nhóm thảo luận nhiệm vụ được giao  - HS chỉ trên lược đồ  - HS nêu kiến thức trang 15 SGK  - HS nêu kiến thức trang 16 SGK  - HS giới thiệu theo ý hiểu  - HS chỉ trên lược đồ  - HS nêu kiến thức trang 16 SGK  - HS thực hiện  - Các nhóm thảo luận nhiệm vụ được giao  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe..  - HS đọc  - HS thực hiện  - HS chỉ trên lược đồ  - HS thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS trình bày cá nhân: quần áo ấm, tất, khăn, ... vì thời điểm đó ở Sa Pa rất lạnh.  - HS lắng nghe. | ***\* GV hổ trợ cho HS khuyết tật xác định được vị trí của dãy Hoàng Liên Sơn trên lươc đồ*** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY *(nếu có)***

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**Môn: Đạo đức Số tiết CT: 5**

**Tên bài: BÀI 3: EM NHẬN BIẾT SỰ CẢM THÔNG,**

**GIÚP ĐỠ NGƯỜI GẶP KHÓ KHĂN (Tiết 1)**

**Thời gian thực hiện: ngày 7 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức :**  *HS sẽ:*

- Nêu được một số biểu hiện của sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

- Biết vì sao phải cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; Trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

**3. Phẩm chất -** Góp phần hình thành phẩm chất nhân ái.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :**

**-** GV : KHBD,tranh, hình ảnh về sự cảm thông, giúp đỡ người gặp khó khăn.

- HS :Tranh ảnh và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động : ( 5 phút )**  - GV nêu tên trò chơi: *Bịt mắt tìm đồ vật.*  - GV hướng dẫn luật chơi:  *+ GV mời 2 - 4 em HS tham gia trò chơi.*  - GV đặt câu hỏi cho HS sau khi hoàn thành trò chơi:  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét và chốt đáp án:  - GV dẫn dắt HS vào bài học: ***Bài 1: Em nhận biết sự cảm thông giúp đỡ người gặp khó khăn ( tiết 1)***  **2. Hoạt động hình thành kiến thức : (25p)**  **Hoạt động 1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi**  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  *-* GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  **Hoạt động 2: Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi**  **-** GV yêu cầu HS đọc câu chuyện SGK và trả lời câu hỏi  - GV mời đại diện 2 – 3 HS trả lời. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp.  **Hoạt động 3. Đọc ý kiến và thực hiện theo yêu cầu**  - GV chia lớp thành các nhóm học tập.  - GV yêu cầu các nhóm đọc ý kiến trong SGK  - GV mời đại diện các nhóm trả lời. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và đưa ra câu trả lời phù hợp:  **3. Hoạt động củng cố nối tiếp : (5p)**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS chơi trò chơi.  - HS lắng nghe GV hướng dẫn luật chơi.  - HS lắng nghe GV nêu câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu vào bài mới.  - HS quan sát tranh.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS đọc câu chuyện.  - HS làm việc theo nhóm.  - HS đọc các ý kiến.  - HS trả lời.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. | GV giúp đỡ HSKT |

**IV . ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY :**

**………………………………………………………………………………………………**

**TUẦN 5**

**Môn: SHĐ +Hoạt động trải nghiệm**

**Bài: VIẾT THƯ CHO TƯƠNG LAI Số tiết CT:5+ 13**

**Thời gian thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Sáng tạo những mảnh ghép diệu kì.

- Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:KHBD, SGK.

- HS: Giấy, bút, bút màu, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **Sinh hoạt dưới cờ: Viết thư cho tương lai (35p)**  **a. Mục tiêu:** Sau khi tham gia hoạt động, HS có khả năng:  - Hiểu được ý nghĩa và nội dung của cuộc thi Viết thư cho tương lai.  - Hào hứng tích cực tham gia cuộc thi*.*  **b. Cách tiến hành**  - GV Tổng phụ trách Đội giới thiệu cuộc thi Viết thư cho tương lai gồm nội dung chính sau:  + Nêu mục đích tổ chức, ý nghĩa, phổ biến nội dung, hình thức tổ chức của cuộc thi Viết cho tương lai.  + Nội dung: Mỗi HS sẽ viết một bức thư gửi cho chính mình ở một thời điểm trong tương lai  + GV hướng dẫn cụ thể như sau:   * - HS suy nghĩ về ước mơ của bản thân ở một thời điểm trong tương lai. * - Viết một bức thư cho bản thân trong tương lai chia sẻ về những đặc điểm, việc làm đáng tự hào của mình và những ước mơ mong muốn đạt được. | - HS lắng nghe và tham gia theo sự hướng dẫn của GV.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe hướng dẫn viết thư.  - HS suy nghĩ về ước mơ của bản thân ở một thời điểm trong tương lai.  - HS viết một bức thư theo yêu cầu. | GV giúp đỡ HSKT. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

*……………………………………………………………………………………………………………*

**MÔN : TOÁN**

**Bài 14: TẤN, TẠ, YẾN (Tiết 22 )**

**Thời gian thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được các đơn vị đo khối lượng: yến, tạ, tấn.

- Mối quan hệ giữa các đơn vị yến, tạ, tấn và với đơn vị ki-lô-gam.

- Biết chuyển đổi và tính toán với các đơn vị đo khối lượng đã học (trong những trường hợp đơn giản)

- Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo khối lượng.

**2. Năng lực chung.**

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực giao tiếp toán học.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Yêu thích môn toán.

- Có ý thức khi tham gia giao thông.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Kế hoạch bài dạy, SGK toán tập 1, thẻ ghi các đơn vị đo khối lượng đã học, cân đồng hồ trên 10kg, 1 túi gạo 10kg.

- HS: SGK, VBT tập 1, ĐDHT; tìm hiểu trước ở nhà thông tin về cân nặng của một số vật có khối lượng lớn (VD: cân nặng của một chiếc xe máy, cân nặng của một con bò...)

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động khởi động: (5p)** | |  |
| - Cho hs chơi trò chơi “Ghép thẻ”  - Cách chơi: Ghép các đồ vật có khối lượng thích hợp với nó. Thực hiện trong nhóm đôi.  - Mời 1hs lên điều khiển lớp chia sẻ.  -GV nhận xét trò chơi.  - GV giới thiệu bài  -GV ghi bảng | - HS ghép nhóm đôi, chọn và nói cho nhau nghe kết quả phù hợp.  - Các nhóm chia sẻ, nhận xét.  - HS lắng nghe.  -Hs viết vào vở |  |
| **2. Hoạt động thực hành, luyện tập : (15p)** | |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Bài 3.**  - Gọi HS đọc bài 3.  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân vào vở BTT- Trao đổi N2 - 1 hs làm bảng phụ chia sẻ trước lớp.  - Yêu cầu hs chia sẻ ý a trước lớp  + Em có nhận xét gì về các đơn vị đo khối lượng: tấn, tạ, yến, kg ?  - Yêu cầu hs chia sẻ ý a trước lớp  - Yêu cầu hs nêu cách làm  \*Chốt:Bài tập 3 giúp em biết thêm điều gì?  Như vậy là các em đã biết dựa vào mối quan hệ giữa các đơn vị đo khối lượng và các phép tính có kèm đơn vị đo khối lượng để thực hiện Bài tập 3.  - GV nhận xét tuyên dương.  *Các phép tính kèm theo đơn vị đo khối lượng được áp dụng vào cuộc sống như thế nào. Các em cùng đến với Bài 4.* | -Hs đọc  -Hs làm bài Cá nhân  - N2 : đổi vở đọc cho nhau nghe, giải thích cách làm, sửa sai nếu có.  - Hs chia sẻ ý a:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Tấn** | **Tạ** | **Yến** | **Kg** | | 1tấn=10 tạ  = 1000 kg | 1 tạ= 10yến  = 100kg | 1 yến=10kg |  |   - Hai đơn vị đứng liền nhau hơn kém nhau 10 lần.  - HS chia sẻ ý b:   |  |  | | --- | --- | | 1 yến 8 kg = 18 kg  4 tạ 2kg = 402 kg | 1 tấn 25kg = 1025kg  7 tấn 450kg = 7450 kg |   - 1 yến 8 kg = 10kg + 8 kg = 18kg  - 4 tạ 2kg = 400 kg + 2kg = 402kg  - 1 tấn 25kg = 1000 kg + 25kg = 1025 kg  - 7 tấn 450kg = 7000 kg + 450 kg = 7450 kg  -Đổi 2 đơn vị đo khối lượng thành 1 đơn vị đo khối lượng. |  |
| **Bài 4.**  **-**Yêu cầu hs đọc đề  Giải cá nhân -Trao đổi N2 - chia sẻ trước lớp.  \*Chốt: Vì sao chúng ta cần chọn cách vận chuyển 13 tấn khoai với số chuyến xe ít nhất ?  Như vậy trong cuộc sống chúng ta cần phải tính toán để tìm ra cách vận chuyển sao cho nhanh nhất và tiết kiệm nhất.  *Vậy chúng ta còn áp dụng đơn vị đo khối lượng ở những hoạt động nào trong cuộc sống, mời 1 em đọc Bài 5.* | -1hs đọc đề  -Hs làm bài cá nhân, trao đổi kết quả với bạn, giải thích cách làm.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Số chuyến xe có trọng tải 3 tấn | 1 | 3 | | Số chuyến xe có trọng tải 2 tấn | 5 | 2 | | Tổng số cuyến xe phải sử dụng | 6 | 5 |   Giải thích cách làm  - Nếu loại xe là 3 tấn là 1 chuyến thì số tấn hàng là : 1 x 3 = 3 (tấn)  Số hàng còn lại là: 13 - 3 = 10 (tấn)  Số chuyến loại 2 tấn là: 10 : 2 = 5 (chuyến) Tổng số chuyến: 1 + 5 = 6 CHỌN (1)  - Nếu loại xe 3 tấn là 2 chuyến thì số tấn hàng là: 2 x 3 = 6 (tấn)  Số hàng còn lại là : 13 – 6 = 7(tấn)  Số chuyến loại 2 tấn là : 7 : 2 = 3 chuyến (dư 1) LOẠI  - Nếu loại xe 3 tấn là **3** chuyế**n** thì số tấn hàng chở được là: 3 x 3 = 9 (tấn)  Số hàng còn lại là: 13 – 9 = 4 (tấn)  Số chuyến loại 2 tấn là: 4 : 2 = **2** chuyến  Tổng số chuyến: 3 + 2 = 5 CHỌN (2)  \*Trong 2 cách CHỌN trên chọn cách (2) vì số chuyến xe ở cách này ít nhất.  - Để tiết kiệm thời gian và chi phí | ***\*GV hổ trợ gợi ý cho HS khuyết tật hoàn thành các BT*** |
| **3. Hoạt động vận dụng : (5p)** | |  |
| **Bài 5**  -Yêu cầu hs đọc Bài 5.  + Em hiểu biển báo bên cầu như thế nào?  + Những xe có khối lượng như thế nào sẽ được đi qua cầu?  - Yêu cầu hs làm bài Cá nhân-N4- 1hs làm bảng phụ chia sẻ trước lớp  \*Chốt: Bài tập 5 giúp em biết thêm điều gì?  + Khi tham gia giao thông chúng ta cần phải làm gì để đảm bảo an toàn ?  - Nhận xét tiết học  **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp:** (5p)  - Chuẩn bị bài tiếp theo: | -HS đọc bài  - Cấm xe 10 tấn đi qua cầu.  - Xe có khối lượng dưới 10 tấn được phép đi qua cầu.  -Hs làm bài Cá nhân vào vở BTT  - N4 trao đổi cách làm, giải thích vì sao.  - 1Hs chia sẻ trước lớp:   |  | | --- | | Khối lượng của ô tô khi đang chở hàng là:  5 tấn + 4 tấn 2 tạ = 9 tấn 2 tạ  Vậy ô tô được phép đi qua cầu vì khối lượng của xe không vượt mức cấm của cầu là quá 10 tấn. |   - Biết biển báo cấm có sử dụng đơn vị đo khối lượng là tấn.  - Phải chấp hành đúng nội dung các biển báo. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( Nếu có ):**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài: Bài viết 1: TẢ CÂY CỐI Số tiết CT: 31**

**Thời gian thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Xác định được các đoạn của bài văn.

- Hiểu cấu tạo thường gặp của bài văn tả cây cối, cách tả một loài cây cụ thể theo trình tự nhất định.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Phát hiện được chi tiết hay, hình ảnh đẹp trong bài văn tả cây cối.

- Biết bày tỏ sự yêu thích của mình với những chi tiết hay, hình ảnh đẹp trong bài văn.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết thảo luận nhóm về nội dung và cấu tạo của bài văn tả cây cối.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Vận dụng những kiến thức đã học để tìm tòi, mở rộng, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: đọc và trả lời câu hỏi về nội dung, cấu tạo của bài văn tả cây cối; nắm được trình tự miêu tả trong bài văn tả cây cối.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

**-** Chăm chỉ: Chăm luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết.

- Yêu nước: Bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: KHBD, SGK, phiếu học tập, video bài hát Cái cây xanh xanh,

- HS: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động (5p)** | |  |
| - GV tổ chức cho HS hát bài “ Cái cây xanh xanh”.  - GV giới thiệu bài học mới: *Trong tiết học trước, các em đã học bài thơ “Cau”. Các em đã được học cách nhà thơ miêu tả đặc điểm của cây cau. Hôm nay, các em sẽ học cách viết một bài văn tả cây cối qua việc tìm hiểu cấu tạo của bài văn tả cây cối.*  - GV ghi tên bài học: ***Viết 1 – Tả cây cối.*** | - HS hát.  - HS lắng nghe. |  |
| **2. Hình thành kiến thứ mới (15p)** | |  |
| **Hoạt động 1: Nhận xét**  - GV đọc mẫu bài văn *Cây si*, giải thích các từ ngữ khó (VD: *hòn non bộ, thân phụ, loà xoà,…*).  - GV yêu cầu HS nối tiếp nhau đọc 4 đoạn của bài văn. Các HS khác đọc thầm theo.  - GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận nhóm đôi theo các câu hỏi tìm hiểu bài:  *a. Bài văn có mấy đoạn? Nêu nội dung từng đoạn.*  *b. Cây si được miêu tả theo trình tự nào?*  - GV mời đại diện 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV nhận xét, đánh giá và chốt đáp án:  *a. Bài văn có 4 đoạn. Nội dung của từng đoạn:*  *+ Đoạn l: Giới thiệu đặc điểm chung của cây si.*  *+ Đoạn 2: Miêu tả rễ cây si.*  *+ Đoạn 3: Miêu tả lá cây si.*  *+ Đoạn 4: Nêu cảm nghĩ về cây si.*  *b) Cây si được miêu tả theo trình tự các bộ phận của cây.*  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  - GV mời 1 – 2 HS đọc to nội dung bài học trong SGK. Các HS khác đọc thầm theo.  - GV giải thích kĩ hơn về kiến thức được trình bày trong bài học, các từ ngữ khó (nếu có).  - GV mời 1 – 2 HS nhắc lại cho cả lớp nghe về cấu tạo của bài văn tả cây cối.  - GV chuẩn bị 3 tấm bìa ghi chữ to “Mở bài”, “Thân bài”, “Kết bài”. GV úp 3 tấm bìa lại, để trên mặt bàn GV. GV mời 3 HS lên bảng, mỗi HS lựa chọn 1 tấm bìa. HS chọn được tấm bìa nào sẽ nói lại nội dung từng phần bài văn tả cây cối. (VD: *HS chọn được tấm bìa “Mở bài” sẽ nói: “Phần mở bài giới thiệu đối tượng miêu tả (cây, hoa, quả,...)”. Tương tự, tấm bìa “Thân bài” – “Phần thân bài gồm 2 ý. Thứ nhất là tả từng bộ phận hoặc từng thời kì phát triển của đối tượng miêu tả. Thứ hai là nêu ích lợi của đối tượng miêu tả”. Tấm bìa “Kết bài” – “Phần kết bài nêu cảm nghĩ về đối tượng miêu tả”.*) | - HS lắng nghe.  - HS đọc bài.  - HS thảo luận nhóm.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe  - HS đọc bài.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS thực hiện. |  |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (10p)** | |  |
| **Hoạt động 3: Luyện tập**  - GV hướng dẫn HS xác định yêu cầu của BT1: *đọc bài văn “Cây bàng” và so sánh trình tự miêu tả giữa bài văn đó với bài văn “Cây si”.*  - GV mời 2 – 3 HS nối tiếp nhau đọc các đoạn trong bài văn *Cây bàng*. Các HS khác đọc thầm theo.  - GV giải thích các từ khó trong bài văn. (VD: *màu tía, trơ trụi, trơ trơ, li ti, điểm,…*).  - GV giao nhiệm vụ cho HS làm việc nhóm đôi, thảo luận về sự khác nhau trong trình tự miêu tả cây bàng và cây si.  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp về sự khác nhau trong trình tự miêu tả cây bàng và cây si.  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung:  *Có thể miêu tả cây cối theo trình tự khác nhau: tả từng bộ phận của cây (như ở bài “Cây si”) hoặc tả sự thay đổi của cây theo thời gian (như ở bài “Cây bàng”).* | - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe, thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - HS trả lời câu hỏi: *Cây si được miêu tả theo trình tự: đặc điểm chung của cây – rễ cây – lá cây – ích lợi của cây; cây bàng được miêu tả theo trình tự thời gian (các mùa trong năm).*  - HS lắng nghe, tiếp thu. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các câu hỏi*** |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** **(5p)** | |  |
| - GV yêu cầu HS tự nhận xét về tiết học: ưu điểm, nhược điểm của cả lớp; những điều đã làm được, những điều cần rút kinh nghiệm, rèn luyện thêm.  - GV tổng hợp ý kiến, nhận xét tiết học, khen ngợi và động viên HS.  - GV nhắc nhở HS:  + Chuẩn bị nội dung cho tiết học *Bài viết 2: Quan sát cây cối.*  + Chuẩn bị tranh/ ảnh về một cây hoa (hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh) để thực hành quan sát | - HS lắng nghe, thực hiện  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Khoa học : Tuần 5**

**TCT: 9 BÀI 5: SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA KHÔNG KHÍ ( Tiết 1)**

**Thời gian thực hiện : 8 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết được không khí chuyển động gây ra gió và nguyên nhân làm không khí chuyển động.
* Nhận xét, so sánh được mức độ mạnh của gió. Nêu và thực hiện được một số việc cần làm để phòng tránh bão.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**:

* *Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* *Phẩm chất chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* *Phẩm chất trách nhiệm*: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**a. Đối với giáo viên:**

* Giáo án. . Các tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

**b. Đối với học sinh:**

* SHS . Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động khởi động :**  - GV chiếu hình ảnh và dẫn dắt đặt câu hỏi: *Các em đã từng chơi thả diều chưa? Vì sao diều có thể bay lên cao.*  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình và chưa cần chốt ý kiến đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đặt câu hỏi: *“Vậy cái gì gây ra gió?”*  - GV dẫn dắt vào bài học mới: ***Bài 5 - Sự chuyển động của không khí.***  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới :**  **Hoạt động 1: Tiến hành thí nghiệm nhận biết không khí chuyển động gây ra gió**  - GV chia lớp thành các nhóm 8 HS.  - GV yêu cầu các nhóm đọc thông tin cách thực hiện thí nghiệm trang 20 SGK:  - GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm:  - GV tổ chức HS thảo luận:  - GV gợi lần lượt đại diện 2 nhóm nêu kết quả và giải thích kết quả đó. HS các nhóm khác nhận xét.  - GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, tuyên dương các nhóm có câu trả lời chính xác.  - GV chốt cách giải thích:  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về sự chuyển động của không khí**  - GV chia lớp thành các nhóm bốn.  - GV hướng dẫn HS tiến hành thí nghiệm theo tiến trình trong SGK:  - GV tổ chức các nhóm quan sát, thảo luận và cho biết:  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, góp ý.  - GV nhận xét, bổ sung.  - GV dẫn dắt và đặt câu hỏi: *“Em thấy sự chuyển động của không khí như thế nào? Đâu là nguyên nhân làm không khí chuyển động?”.*  - GV gọi đại diện một số nhóm trả lời, HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt đáp án, tuyên dương nhóm trả lời đún.  - GV treo tranh vẽ phóng to hình 4 SGK lên bảng, gọi hai HS đại diện hai nhóm chỉ và nói đường đi của không khí trước lớp.  -  GV và HS nhận xét, tuyên dương HS trình bày đúng và tốt.  - GV lưu ý HS:  - GV gọi hai HS đọc nội dung trong kí hiệu con ong ở trang 21 SGK để thấy được nguyên nhân gây ra gió trong tự nhiên.  **3. Hoạt động luyện tập , vận dụng :**  **Hoạt động 3: Tìm hiểu một số hiện tượng thực tế liên quan đến việc chuyển động của không khí**  ***Nhiệm vụ 1. Trả lời các câu trắc nghiệm***  - GV tổ chức cho HS bài tập trắc nghiệm:  **Câu 1:** Không khí chuyển động tạo ra  A. Hơi nước               B. Bụi  C. Rác thải                 D. Gió  **Câu 2:** “Chính sự nóng lên … (1)… giữa đất liên và biển đã làm cho không khí … (2)… và tạo thành gió.”  (1) và (2) là  A. (1) đều nhau, (2) chuyển động.  B. (1) không đều nhau, (2) không chuyển động.  C. (1) không đều nhau, (2) chuyển động.  D. (1) đều nhau, (2) không chuyển động.  **Câu 3:** Trong tự nhiên, nguyên nhân làm không khí chuyển động là gì?  A. Do không khí nóng bốc lên cao, không khí lạnh đến thế chỗ.  B. Do không khí lạnh bốc lên cao, không khí nóng đến thế chỗ.  C. Do không khí lạnh và nóng đan xen nhau.  D. Do không khí lạnh và không khí nóng chuyển động ngược chiều nhau.  **Câu 4:** Điều hòa không khí trong nhà thường có vị trí ở  A. Dưới sàn nhà.  B. Trên cao.  C. Ngoài ban công.  D. Trên bàn.  **Câu 5:** Khi ta cầm chong chóng chạy thì chong chóng sẽ quay. Hiện tượng này là do  A. Trong không khí có hơi nước và bụi. Khi ta chạy, hơi nước xung quanh chuyển động tạo ra gió và làm chong chóng quay  B. Không khí có ở xung quanh ta. Khi ta chạy, không khí xung quanh chuyển động tạo ra gió và làm chong chóng quay  C. Trong không khí có hơi nước và bụi. Khi ta chạy, bụi xung quanh chuyển động tạo ra gió và làm chong chóng quay  D. Khi ta chạy sẽ tạo ra gió làm chong chóng quay, khi ta không chạy sẽ không có gió nên chong chóng không quay  - GV mời HS trả lời, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương HS trả lời đúng.  ***Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu một số hiện tượng thực tế liên quan đến việc chuyển động của không khí***  - GV tổ chức cho HS hoạt động theo nhóm bốn.  - GV treo hình 5,  6 trang 21 SGK phóng to lên bảng, yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:  *Hướng gió thổi vào ban ngày và ban đêm như thế nào?*  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm lên bảng chỉ và giải thích, HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.    - GV nhận xét, chốt lại phần giải thích.  - GV treo hình 7 trang 22 SGK phóng to lên bảng, yêu cầu HS quan sát và trả lời câu hỏi:  *Vì sao dàn lạnh của điều hòa được đặt trên cao?*  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trình bày, giải thích, HS các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt lại phần giải thích.  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi: *“Công dụng của gió được sử dụng ở gia đình và địa phương em như thế nào?”*  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trả lời các câu hỏi, HS khác chú ý lắng nghe và nhận xét.  - GV nhận xét, tuyên dương các nhóm làm tốt.  - GV yêu cầu một HS đọc nội dung kiến thức cốt lõi ở cuối trang 22 SGK.  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (5p)**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học,  - Ôn tập kiến thức đã học*.*  - Đọc và chuẩn bị trước tiết sau. | - HS quan sát hình, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu.    - HS xung phong trả lời:  *Nhờ gió, gió to giúp diều bay cao.*  - HS lắng nghe và suy nghĩ.  - HS theo dõi, ghi bài mới.    - HS chia theo nhóm.  - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.    - Các nhóm thực hiện theo hướng dẫn.    - Các nhóm thực hiện thảo luận theo yêu cầu.  - Đại diện các nhóm xung phong trình bày.  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS lắng nghe, chữa bài.  - HS chia theo nhóm.  - Các nhóm thực hiện theo hướng dẫn.    - Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.    - HS trả lời:  - HS lắng nghe, thảo luận nhóm tìm đáp án.  - Đại diện các nhóm xung phong trả lời.  - HS lắng nghe, sửa bài.  - HS quan sát, xung phong lên bảng trình bày.    - HS chú ý lắng nghe và tiếp thu.    - HS đọc và ghi nhớ.    - HS chú ý lắng nghe.    - HS chọn đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Câu 1* | *Câu 2* | *Câu 3* | *Câu 4* | *Câu 5* | | *D* | *C* | *A* | *B* | *B* |     - HS chia theo nhóm.  **-** Các nhóm thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phong trình bày.  - HS quan sát và thực hiện theo yêu cầu.    - Đại diện các nhóm xung phong trình bày.  - HS lắng nghe và thảo luận nhóm.  - HS trả lời:  - HS lắng nghe  - HS đọc và ghi nhớ.  - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các câu hỏi*** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY : ( nếu có )**

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**MĨ THUẬT Số tiết CT :5**

**CHỦ ĐỀ 2: SỰ KẾT HỢP THÚ VỊ CỦA VẬT LIỆU KHÁC NHAU (4 tiết)**

**Bài 3: Những vật liệu khác nhau** ( tiết 1)

**Ngày thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT :**

**1. Năng lực mĩ thuật**

*Bài học giúp học sinh đạt được một số yêu cầu sau:*

- Nhận biết được bề mặt khác nhau; bước đầu tìm hiểu tác giả và sản phẩm, tác phẩm mĩ thuật có bề mặt khác nhau; biết được cách thực hành tạo bề mặt khác nhau và sáng tạo sản phẩm.

- Tạo được sản phẩm có bề mặt khác nhau và trao đổi, chia sẻ trong thực hành, sáng tạo.

- Trưng bày, giới thiệu được sản phẩm (nội dung, bề mặt khác nhau…) và trao đổi, chia sẻ cảm nhận về sản phẩm của mình, của bạn.

**2. Năng lực chung và năng lực đặc thù khác**

HS có cơ hội hình thành, phát triển các năng lực chung và một số năng lực đặc thù khác, như: Ngôn ngữ, tính toán… thông qua: *Trao đổi, chia sẻ; chuẩn bị đồ dùng và sử dụng được công cụ, họa phẩm, vật liệu… phù hợp với hình thức, ý tưởng sáng tạo sản phẩm…*

**3. Phẩm chất**

Bài học bồi dưỡng ở HS đức tính chăm chỉ, lòng nhân ái, ý thức trách nhiệm… thông qua một số biểu hiện, như: *Có ý thức chuẩn bị, sưu tầm vật liệu để thực hành; kiên trì thực hiện nhiệm vụ để đạt được yêu cầu của bài học; tôn trọng sáng tạo của bạn bè và người khác; giữ vệ sinh trong thực hành, sáng tạo…*

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC : (GV và HS):** màu vẽ, đất nặn, vỏ trứng, giấy màu, đất nặn, sợi len, kéo, bút chì, hồ dán, tẩy chì, vở thực hành

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1.Hoạt động khởi động:** Trò chơi “Nhà thám hiểm”*( 3 p)* | **HS tham gia trò chơi khởi động** |  |
| **2. Quan sát, nhận biết (tr.15-Sgk)** *( 6 p)* |  |  |
| – Yêu cầu Hs quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:  + Em hãy chỉ ra chi tiết/vị trí nào trên tác phẩm Chiều ngoại ô (Hình 1), sản phẩm gốc cây tre (Hình 3) có bề mặt trơn nhẵn, xù xì?  + Em hãy kể một số màu sắc trên tấm vải len ở hình 2?  – Tóm tắt nội dung chia sẻ, nhận xét của HS; giới thiệu sản phẩm thủ công và tác giả, tác phẩm điêu khắc. Tóm tắt nội dung quan sát. | Hs quan sát tranh và trả lời câu hỏi  Hs lắng nghe |  |
| **3. Thực hành, sáng tạo** *( 20 p):* |  |  |
| ***\*. Hướng dẫn HS tìm hiểu cách tạo màu, tạo bề mặt khác nhau ở hình minh họa tr.16-sgk***  – Tổ chức HS quan sát và trả lời câu hỏi:  + Tạo bề mặt thô ráp từ vỏ trứng bằng cách nào?  + Tạo bề mặt xù xì từ giấy bằng cách nào?  + Tạo bề mặt khác nhau từ giấy vụn bằng cách nào?  + Kết hợp các sơi len để tạo màu bằng cách nào?  – Tóm tắt nội dung chia sẻ, nhận xét, bổ sung của HS; hướng dẫn thực hành một số thao tác chính. | ***Hs quan sát cách tạo màu*** |  |
| ***\*. Tổ chức HS thực hành, thảo luận***  – Bố trí HS theo vị trí nhóm và hướng dẫn, giao nhiệm vụ cá nhân:  + Thực hành: Sử dụng vật liệu để tạo màu hoặc tạo bề mặt khác nhau theo ý thích (Yêu cầu HS chọn 2 cách theo ý thích để thực hành).  + Quan sát bạn trong nhóm/bên cạnh và chia sẻ ý tưởng của mình (chọn cách thực hành yêu thích làm trước, chọn màu của sợi len/sợi vải/ sợi nylon… để tạo màu); đặt câu hỏi cho bạn (Bạn thích cách thực hành nào? Bạn chọn những màu giấy nào để cắt,…).  – Quan sát, đánh giá mức độ thực hiện nhiệm vụ của HS; kết hợp hướng dẫn, gợi mở hoặc hỗ trợ. | ***Hs thực hành theo nhóm***  ***Hs chia sẻ sản phẩm nhóm mình, nhóm bạn*** |  |
| **4. Cảm nhận, chia sẻ** *( 5 p)* |  |  |
| – Hướng dẫn HS trưng bày sản phẩm và quan sát, trả lời câu hỏi:  + Em đã sử dụng vật liệu nào để tạo màu/tạo bề mặt khác nhau?  + Em chỉ ra chi tiết có bề mặt nhẵn/trơn, xù xì/ghồ, ghề… trên sản phẩm của mình, của bạn?...  – Gv nhận xét, đánh giá: Kết quả thực hành, hoạt động trao đổi, chia sẻ… của HS | Hs trưng bày sản phẩm | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các câu hỏi*** |
| **5. Vận dụng** *( 1 p)* |  |  |
| – Gợi mở Hs chia sẻ mong muốn thực hành thêm các cách khác và chia sẻ cách thực hành yêu thích  – Hướng dẫn HS chuẩn bị học tiết 2 của bài học | Hs lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**MÔN : CÔNG NGHỆ Số tiết CT : 5**

**CHỦ ĐỀ 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG**

**BÀI 3: MỘT SỐ LOẠI CÂY CẢNH PHỔ BIẾN**

**Thời gian thực hiện: ngày 58 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Bài học này nhằm hình thành và phát triển ở HS năng lực và phẩm chất với những biểu hiện cụ thể như sau:

**1. Năng lực**

a. Năng lực công nghệ

Năng lực nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số loại cây cảnh phổ biến

b. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học: Tự tìm hiểu, mô tả được đặc điểm một số loại cây cảnh ở trường học, gia đình hoặc địa phương.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Giới thiệu được với bạn bè, người thân một số loại cây cảnh phổ biến ở địa phương.

**2. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Có ý thức tìm hiểu về các loại cây cảnh trong đời sống

- Trách nhiệm: Yêu thích cây cảnh.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Hình ảnh hoặc mẫu vật về một số cây cảnh trong SGK: cây quất, cây lưỡi hổ, cây kim phát tài, cây thiết mộc lan

- Video giới thiệu về cây quất, cây lưỡi hổ, cây kim phát tài, cây thiết mộc lan

- Hình ảnh, mẫu vật hoặc video về một số cây cảnh khác phổ biến ở địa phương

- Thẻ tên, hình ảnh, đặc điểm cơ bản của 4 loại cây cảnh trong bài học

- Máy tính, máy chiếu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động: (5p)** | | |
| - Tổ chức “Thi kể” Hãy kể tên một số loại cây cảnh thường trồng ở trường học, gia đình, hoặc khu vực sinh sống.  - Đặt thêm câu hỏi: Những cây cảnh này có đặc điểm gì? Sau đó dẫn dắt vào bài học một số loại cây cảnh thường trồng phổ biến là cây quất, cây lưỡi hổ, cây kim phát tài, cây thiết mộc lan | - Thi kể nhanh xem ai kể được nhiều, không trùng với người kể trước.  - HS trả lời. |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới (25p)**  **2.1. Cây quất – Nhận biết cây quất** | | |
| - Thực hiện theo nhóm quan sát hình ảnh trang 12 SGK và mô tả đặc điểm cây quất  - GV gọi đại diện nhóm trả lời  - Nhận xét và chốt câu trả lời: cây quất là cây thân gỗ nhỏ, phân cành nhiều, cành mềm nên dễ tạo dáng đẹp. Quả quất tròn đều, khí có màu vàng.  - Yêu cầu quan sát cây quất và thảo luận trả lời câu hỏi: Cây quất ngoài việc dùng làm cảnh còn được trồng để làm gì?  - Nhận xét và chốt câu trả lời: Ngoài việc trang trí vào dịp Tết, làm đẹp không gian sống thì quả quất được dùng làm thực phẩm mứt quất, quả thuốc là vị thuốc dân gian chữa ho, long đờm, viêm họng.  - Mở rộng: Có thể xem video về đặc điểm tác dụng của cây quất.  - Chốt kiến thức: GV cùng HS thống nhất về đặc điểm cơ bản của cây quất. Yêu cầu đọc nội dung trong SGK trang 12. | - Quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.  - Đại diện các nhóm trả lời.  - Nhóm khác nhận xét và bổ sung  - Thảo luận để trả lời.  - Nhận xét và bổ sung câu trả lời của bạn.  - Đọc bài. | GV giúp đỡ HSKT |
| **2.2. Cây lưỡi hổ - Nhận biết cây lưỡi hổ** | | |
| - Yêu cầu quan sát hình ảnh trong SGK trang13, mô tả đặc điểm của cây lưỡi hổ  - GV nhận xét và chốt câu trả lời: Đặc điểm cây lưỡi hổ là loại cây cây thân thảo, lá dài và cứng, đầu lá nhọn, lá cây thường có vằn xanh đậm hoặc mép lá màu vàng, ưa sáng, chịu hạn tốt.  - Từ những đặc điểm của cây lưỡi hổ, liên hệ thực tế yêu cầu HS trả lời câu hỏi: Có những loại cây lưỡi hổ nào? Ngoài việc dùng làm cảnh, cây lưỡi hổ còn có tác dụng gì?  - Nhận xét, chốt câu trả lời: Một số loại cây lưỡi hổ như: cây lưỡi hổ vàng, cây lưỡi hổ xanh, cây lưỡi hổ thái vàng, cây lưỡi hổ thái vằn, cây lưỡi hổ thái xanh, cây lưỡi hổ thái trắng, cây lưỡi hổ búp sen. Cây lưỡi hổ có khả năng loại bỏ các chất độc trong không khí vào ban đêm cây lưỡi hổ hấp thụ khí CO2 và thải khí O2 nên rất phù hợp làm cây cảnh để trong nhà. Cây lưỡi hổ có ý nghĩa mang lại may mắn, tài lộc,…  - Chốt kiến thức: Yêu cầu đọc nội dung trong SGK trang 13 | - HS quan sát và trả lời câu hỏi.  HS khác nhận xét, bổ sung.  - Nhắc lại đặc điểm.  - Quan sát, trả lời câu hỏi.  - Nghe, nhắc lại một số đặc điểm của cây lưỡi hổ.  - Đọc nội dung về cây lưỡi hổ trong SGK trang 13 |  |
| **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (5p)** | | |
| - GV cùng HS hệ thống lại bài.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - Thực hiện yêu cầu.  - HS nhận xét, lắng nghe.  - HS lắng nghe. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

*………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

Môn : **LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

Bài: **THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ (T3)** Tiết: 10

Ngày thực hiện: ngày 8 tháng 10 năm 2024

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nêu được một cách đơn giản ảnh hưởng của địa hình,  khí hậu,  sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Đưa ra được một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên  và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Biết tự chủ thực hiện sử dụng bản đồ, lược đồ.

- Đưa ra được một số biện pháp phù hợp để bảo đảm sức khỏe và phòng chống thiên tai vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Biết trao đổi, góp ý cùng bạn trong hoạt động nhóm và thực hành.

- Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn trong sử dụng, thực hành các hoạt động tìm hiểu về vị trí địa lí vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Có tinh thần chăm chỉ, ham học hỏi và luôn tự giác tìm hiểu khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học

- Có ý thức trách nhiệm với lớp, tôn trọng tập thể, có ý thức bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai.

- Yêu và tự hào về cảnh đẹp vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, máy tính, máy chiếu.

- HS: SGK; VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động (5 p)**  - GV cho HS trò chơi : Vượt chướng ngại vật  + Chướng ngại vật 1:  *Trung du và và miền núi Bắc Bộ có dạng địa hình:*  A. núi, đồi, cao nguyên  B. cao nguyên, cánh cung  C. đồng bằng, núi  + Chướng ngại vật 2:  *Đặc điểm khí hậu vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:*  A. mùa hạ nóng và ít mưa, mùa đông lạnh và có tuyết rơi.  B. mùa xuân mát mẻ, đóng băng vào mùa đông.  C. mùa hạ nóng và mưa nhiều, mùa đông lạnh và ít mưa.  + Chướng ngại vật 3:  *Đặc điểm sông ngòi vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ:*  A. về mùa đông các sông bị đóng băng  B. nhiều thác ghềnh, nước chảy mạnh  C. nhiều thác ghềnh, cạn về mùa hè  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới  **2. Hình thành kiến thức mới (10 p)**  \**Hoạt động 1:* Ảnh hưởng của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất (Làm việc nhóm 6)  - GV chia nhóm y/c HS đọc thông tin và thảo luận:  + Em hãy nêu ảnh hưởng (thuận lợi, khó khăn) của địa hình, khí hậu, sông ngòi đối với đời sống và sản xuất của người dân ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - GV nhận xét, KL: Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có nhiều thuận lợi nhưng cũng gây ra không ít khó khăn đối với đời sống sản xuất của người dân.  \**Hoạt động 2:* Một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai (hoạt động nhóm 4 – Kĩ thuật khăn trải bàn)  - Chia lớp thành nhóm 6HS thảo luận:  + Đọc thông tin, kết hợp với vốn hiểu biết của bản thân,  hãy đưa ra một số biện pháp bảo vệ thiên nhiên và phòng chống thiên tai ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - GV chọn sản phẩm một số nhóm trình bày  - GV y/c HS đọc thêm phầm thông tin SGK – T17  **3. Luyện tập, thực hành (15 p)**  - GV cho HS chơi trò chơi: “Phóng viên”  - Y/c 1 HS đóng vai phóng viên phỏng vấn các bạn về một số nét chính chia sẻ cảm nghĩ của mình về Thái Nguyên.  - GV nhận xét, tuyên dương  **4. Vận dụng (5p)**  - Quan sát H7- T18 SGK em hãy:  Dự đoán những rủi ro có thể xảy ra,  đưa ra lời khuyên cho người dân về việc chọn địa điểm xây dựng nhà ở vùng  - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà. | - HS chơi, chọn đáp án đúng vượt qua được một chướng ngại vật  A. núi, đồi, cao nguyên  C. mùa hạ nóng và mưa nhiều, mùa đông lạnh và ít mưa.  B. nhiều thác ghềnh, nước chảy mạnh  - HS lắng nghe.  - HS thực hiện  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS lắng nghe.  - Các nhóm thảo luận nhiệm vụ được giao viết ra bảng nhóm  - Các nhóm trưng bày sản phẩm. Các nhóm khác cùng đi tham quan sản phẩm nhóm bạn, để lại nhận xét  - HS đọc.  - HS chơi trò chơi.  - HS lắng nghe.  - HS nêu cá nhân: Những rủi ro như nhà bị siêu vẹo,  hỏng hoặc đổ nát,  người bị thương hoặc chết nếu không ra khỏi nhà kịp thời. Lời khuyên:  không xây dựng nhà cửa ở khu vực có nguy cơ xảy ra sạt lở đất.  - HS lắng nghe. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các câu hỏi*** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY *(nếu có)***

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài: Nói và nghe: KỂ CHUYỆN: CHIẾC VÍ Số tiết CT: 32**

**Thời gian thực hiện: ngày 9 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Nghe và nhớ nội dung, kể lại được câu chuyện *Chiếc ví.*

- Biết trao đổi cùng các bạn về nội dung câu chuyện.

- Lắng nghe bạn kể, biết ghi thắc mắc, nhận xét; phát biểu đánh giá lời kể của bạn.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Biết bày tỏ sự yêu thích các chi tiết thú vị trong câu chuyện.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, kể được câu chuyện theo yêu cầu.

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Biết kể chuyện; biết trao đổi cùng các bạn chủ động, tự nhiên, tự tin; biết lắng nghe và ghi chép.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết sáng tạo khi kể chuyện: chọn ngôi kể, sắp xếp trình tự câu chuyện, sử dụng phương tiện trực quan, trang phục…

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Nhân ái: biết thông cảm với những người nghèo khó; đề cao đức tính trung thực trong mọi hoàn cảnh; biết chia sẻ và giúp đỡ mọi người xung quanh

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: KHBD, SGK, video bài hát Em yêu trường em.

- HS: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động****(5p)** | |  |
| - GV tổ chức cho HS hát bài“Em yêu trường em ”.  - GV giới thiệu bài học: *Trong tiết luyện nói và nghe hôm nay, các em sẽ nghe câu chuyện về một chiếc ví bị thất lạc. Sau đó, chúng ta sẽ cùng nhau trao đổi về sự việc xảy ra trong câu chuyện và về các nhân vật trong câu chuyện.*  - GV ghi tên bài học: ***Kể chuyện “Chiếc ví”.*** | - HS hát.  - HS lắng nghe. |  |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành (25p)** | |  |
| **Hoạt động 1: Nghe kể chuyện**  - GV kể lần 1, kết hợp giải nghĩa từ khó, nếu có (VD: *danh thiếp, tống tiền*).  - GV kể lần 2, 3 hoặc chiếu video (nếu có).  - GV cho HS trả lời các câu hỏi gợi ý trong SGK.    **Hoạt động 2: Kể chuyện**  ***Nhiệm vụ 1: Kể chuyện trong nhóm***  - GV tổ chức cho HS kể chuyện trong nhóm đôi.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS thực hiện đúng yêu cầu của BT.  ***Nhiệm vụ 2: Kể chuyện trước lớp***  - GV mời HS xung phong kể toàn bộ (hoặc một đoạn của câu chuyện). Các HS khác lắng nghe, góp ý.  - GV mời 1 – 2 HS khá, giỏi kể lại toàn bộ câu chuyện. Các HS khác lắng nghe, góp ý.  - GV nhận xét, đánh giá, góp ý.  **Hoạt động 3: Trao đổi về câu chuyện**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. Các HS khác lắng nghe, góp ý.  *a. Em có suy nghĩ gì về tính cách của các nhân vật trong câu chuyện (nhà từ thiện, cậu bé, người trợ lí)?*  *b. Qua câu chuyện, em thấy thái độ của người trợ lí đối với cậu bé thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi đó?*  *c. Câu chuyện giúp em hiểu điều gì?*  - GV tổng kết ý kiến của cả lớp để HS hiểu đúng. Chú ý kiểm tra nội dung ghi chép của một số HS; hướng dẫn HS ghi chép, có thái độ đúng khi nghe và thảo luận (tôn trọng người nói, tích cực tham gia thảo luận). | - HS lắng nghe.  - HS trả lời dựa vào nội dung câu chuyện GV kể.  - HS kể chuyện trong nhóm.  - HS kể chuyện trước lớp.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS phát biểu ý kiến:  *a. Nhà từ thiện là người tốt bụng, luôn tin tưởng và đồng cảm với những người nghèo khó. Cậu bé là người rất trung thực, biết giữ lời hứa. Người trợ lí là người đa nghi và không có thiện cảm với những người nghèo nhưng đã thay đổi khi chứng kiến hành động đẹp của cậu bé.*  *b. Lúc đầu, người trợ lí nghi ngờ cậu bé có âm mưu tống tiền nhà từ thiện, sau đó lại nghĩ rằng cậu bé xin tiền nhà từ thiện. Nhưng khi biết được sự thật, người trợ lí vô cùng xấu hổ. Sở dĩ có sự thay đổi đó là vì anh ấy chứng kiến cách ứng xử rất trung thực và cao thượng của cậu bé.*  *c. Hãy trung thực, luôn quan tâm và giúp đỡ những người xung quanh mình; cần có niềm tin vào người khác, không nên đánh giá người khác qua hình thức.*  - HS lắng nghe | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các câu hỏi*** |
| **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp** (5p) | |  |
| - GV yêu cầu HS về nhà kể lại cho người thân nghe cau chuyện Chiếc ví  - Sưu tầm một số tấm gương về trung thực trogn cuộc sống quanh em ( báo cáo lại vào bài đoc 2: Một người chính trực)  - Nhận xét tiết học, dặn dò bài về nhà. | - HS nêu  - HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**MÔN : TOÁN**

**Bài 15: GIÂY (Tiết 23)**

**Thời gian thực hiện: ngày 9 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được đơn vị đo thời gian: giây

- Biết mối quan hệ giữa giây và phút.

- Vận dụng được đơn vị đo thời gian “giây” vào thực tế cuộc sống.

**2. Năng lực chung.**

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực giao tiếp toán học.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc.

- Biết quý trọng thời gian.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: Kế hoạch bài dạy; SGK Toán tập 1; Một chiếc đồng hồ thật, loại có cả ba kim giờ, phút, giây và có các vạch chia theo từng phút.

- HS: SGK, VBT tập 1, ĐDHT

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động khởi động : (5p)** | |  |
| GV tổ chức trò chơi “Gọi tên” để trả lời các câu hỏi về đơn vị đo thời gian.  - GV trình chiếu các câu hỏi:  + Bạn hãy kể tên các đơn vị đo thời gian mà bạn đã học ?  + Một năm có bao nhiêu tháng ?  + Một tháng có bao nhiêu ngày ?  + Một tháng có bao nhiêu tuần ?  + Một tuần có bao nhiêu ngày ?  + Một ngày có bao nhiêu giờ ?  + Một giờ có bao nhiêu phút ?  + Hãy quan sát tranh và trả lời câu hỏi “Còn bao nhiêu giây nữa nhỉ?”.  - Gv hỏi : Theo các em mọi người dừng xe chờ đèn đỏ trong bao nhiêu giây ?  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên  *\* Giới thiệu bài: Ở lớp 3 chúng ta đã học các đơn vị đo thời gian là*năm, tháng, tuần*,* ngày, giờ, phút*. Hôm nay các em sẽ học đơn vị đo thời gian nhỏ hơn tất cả các đơn vị trên đó là****giây****.*  -Gv ghi tựa bài lên bảng | - Hs điều khiển cả lớp cùng chơi.  *-* Năm, tháng, tuần*,*ngày, giờ, phút*.*  - Một năm có 12 tháng  - Một tháng có 30 ngày  - Một tháng có 4 tuần  - Một tuần có 7 ngày  - Một ngày có 24 giờ  - Một giờ có 60 phút  - Còn 58 giây nữa  - 60 giây  -Hs viết vào vở |  |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức:** (10p) | |  |
| \* Thao tác với đồ dùng trực quan.  **-** Gv cho hs quan sát đồng hồ thật hoặc trên màn hình, trả lời các câu hỏi:  + Đồng hồ có mấy kim ? Đó là những kim chỉ gì ?  + Một giờ bằng bao nhiêu phút ?  - Khi kim phút chạy được một vòng trên mặt đồng hồ qua 60 vạch thì kim giờ chạy được 1 giờ. Như vậy mỗi vạch trên đồng hồ là 1 phút. Ta có 1 giờ = 60 phút.  + Hãy quan sát xem khi kim giây chạy được một vòng trên mặt đồng hồ qua 60 vạch thì kim phút chạy được bao nhiêu phút ?  + Vậy 1 phút bằng bao nhiêu giây ?  - Giây là đơn vị đo thời gian nhỏ nhất  Ta có: 1 phút = 60 giây.  - Gv yêu cầu 3- 5 hs nhắc lại  - Kim giây chuyển động liên tiếp từ vạch này đến vạch kia trên mặt đồng hồ là 1 giây. Chúng ta có thể ước lượng khoảng thời gian 1 giây bằng cách đếm hoặc gõ theo nhịp chuyển động của kim giây.  + Em hãy đi từ chỗ mình ngồi lên bảng và ước lượng xem mình đã đi trong bao nhiêu giây.  \***Chốt:** Giây là đơn vị đo thời gian nhỏ nhất. 1 phút = 60 giây  *Để giúp các em hiểu rõ hơn mối quan hệ giữa đơn vị đo thời gian giây và phút, vận dụng được đơn vị đo thời gian “giây” vào thực tế cuộc sống, chúng ta cùng chuyển qua phần thực hành luyện tập.* | - Đồng hồ có 3 kim, đó là kim chỉ giờ, chỉ phút và chỉ giây  -Một giờ bằng 60 phút  - Khi kim giây chạy được một vòng trên mặt đồng hồ qua 60 vạch thì kim phút chạy được 1 phút.  -1 phút = 60 giây  - Giây là đơn vị đo thời gian.  Ta có: 1 phút = 60 giây  - Hs theo dõi gv  - 2-3 hs thực hành |  |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập: (12p)** | |  |
| **Bài 1.**  **-** Yêu cầu hs đọc yêu cầu bài 1  -Yêu cầu hs làm bài cá nhân vào vở BT toán, trao đổi nhóm đôi, đọc cho nhau nghe thời gian chỉ trên các cặp đồng hồ, chia sẻ bài trước lớp bằng cách thực hiện bài tập trên Học 10  - Yêu cầu 2-3 hs đọc thời gian trên từng cặp đồng hồ trước lớp.  - Gv nhận xét, tuyên dương  \***Chốt**: Bài tập 1 giúp em hiểu điều gì ?  *Để nắm rõ hơn mối quan hệ giữa giây và phút chúng ta cùng đến với bài tập 2.* | - Hs đọc  -Hs thực hiện, nhận xét đánh giá lẫn nhau.  - Hs đọc: 6 giờ 30 phút;  12 giờ 9 phút 50 giây;  19 giờ 35 phút 15 giây  -Em đã nhận biết, đọc được các đơn vị đo thời gian giờ, phút, giây trên đồng hồ kim và đồng hồ điện tử. |  |
| **Bài 2.**  -Yêu cầu hs đọc yêu cầu bài tập 2  - Hs làm bài cá nhân vào vở bài tập toán, trao đổi nhóm đôi, giải thích cách làm và chia sẻ trước lớp bằng cách thực hiện bài tập trên Học 10.  -Yêu cầu vài hs giải thích cách làm trước lớp  - Gv nhận xét, tuyên dương  \* Chốt:  - BT 2 giúp em đã hiểu được điều gì ?  *Người ta sử dụng đơn vị đo thời gian “giây” vào những hoạt động nào trong cuộc sống, chúng ta cùng đến với bài 3.* | -Hs đọc bài  -Hs thực hiện – trao đổi - chia sẻ - nhận xét lẫn nhau – báo cáo kết quả với gv  -1 phút = 60 giây nên 3 phút bằng 60 x 3 = **180**giây, em điền 180 vào chỗ chấm.  - 1 phút = 60 giây nên 1 phút 15 giây = **75** giây.  -Mối quan hệ giữa giây và phút |  |
| **Bài 3.**  -Yêu cầu hs đọc bài tập 3  -Yêu cầu 2 hs phân tích bài toán.  -Yêu cầu làm bài cá nhân vào vở - trao đổi nhóm đôi – một hs làm bảng phụ chia sẻ trước lớp.  \* Chốt: BT 3 giúp em hiểu điều gì ?  *Ngoài việc sử dụng đơn vị “ giây” để tính thời gian các vận động viên chạy, người ta còn sử dụng trong các hoạt động nào nữa, các em hãy thực hiện bài tập 4.* | -Hs đọc  -Bài toán cho biết gì ? Bài toán hỏi gì? Làm thế nào để biết được điều đó ?  Bài giải  Đổi: 1 phút = 60 giây  Vận động viên đó chạy hết số giây là:  1 phút 45 giây = 105 (giây)  Đáp số: 105 giây  -Dùng đơn vị đo thời gian “giây” để biết vận động viên về đích trong thời gian bao lâu. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các BT*** |
| **4. Hoạt động vận dụng : (5p)** | |  |
| **Bài 4**  -Yêu cầu hs đọc bài tập 4  -Yêu cầu hs thảo luận nhóm 4 ghi nhanh các hoạt động trong thực tế có sử dụng đơn vị đo là giây vào bảng nhóm.  - Yêu cầu vài nhóm chia sẻ trước lớp.  \* Chốt: BT 4 giúp em hiểu thêm điều gì ?  - Gv nhận xét  **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp:** (3p)  - Qua bài học hôm nay các em biết thêm những điều gì ?  - Trong các cuộc thi tính bằng đơn vị thời gian là giây thì các em chú ý điều gì ?  \**Thời gian trôi qua không bao giờ trở lại dù là 1 giây. Vì vậy chúng ta phải biết quý trọng thời gian. Hãy chăm chỉ học tập, rèn luyện và làm nhiều việc tốt để thời gian không trôi đi một cách vô ích.*  - Nhận xét tiết học  - Chuẩn bị bài tiếp theo: Thế kỉ | -Hs đọc  -Hs thực hiện  -Giây được sử dụng trong các cuộc thi chạy ngắn, bơi lội, các trò chơi tính thời gian, đèn tín hiệu giao thông,…)  -Hs chia sẻ, nhận xét, đánh giá lẫn nhau.  - Em biết thêm các hoạt động sử dụng đơn vị đo là giây  -Hs trả lời |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( Nếu có ):**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

TUẦN 5 ***TIẾT 10***

**CHỦ ĐỀ 1: ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ**

**BÀI 3: ĐỘNG TÁC ĐI ĐỀU MỘT HÀNG DỌC VÒNG BÊN TRÁI.**

**(Tiết 3)**

**Ngày dạy : 09tháng 10 năm 2024**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1.Về phẩm chất:**

- Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.

- Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

**2.Về năng lực chung:**

**2.1.Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự xem trước khẩu lệnh, cách thực hiện động tác đi đều một hàng dọc vòng bên phải trong sách giáo khoa.

- Giao tiếp và hợp tác: Thông qua các hoạt động nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2.Năng lực đặc thù:**

\*Ôn động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái. Hs biết khẩu lệnh và cách thức thực hiện động tác. Hăng hái tích cực trong tập luyện hoàn thành lượng vận động của bài tập.

- NL chăm sóc SK:  Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện. Biết điều chỉnh trang phục để thoải mái và tự tin khi vận động, biết điều chỉnh chế độ dinh dưỡng đảm bảo cho cơ thể.

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thông qua việc học tập tích cực, chủ động tiếp nhận kiến thức và tập luyện.

- Tự giác, tích cực trong tập luyện; Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm và trung thực.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái, trang phục thể thao, còi phục vụ trò chơi.

-Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao…

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **LV Đ** | | **Phương pháp, tổ chức và yêu cầu** | |
| **TG** | **SL** | **Hoạt động GV** | **Hoạt động HS** |
| **I. Hoạt động mở đầu**  **1. Nhận lớp**  **2. Khởi động**.  - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  **3. Trò chơi. Cánh quạt vui nhộn**  tc kđ bài 3  **II. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **1. Ôn động tác đi đều một hàng dọc vòng bên trái**  LUYỆN TẬP  **2.Hoạt động luyện tập.**  **2.1.Tập đồng loạt**  - Tập động tác theo nhịp đếm chậm và động tác mẫu của GV  - Tập theo nhịp hô đếm nhanh, chậm của GV.  **2.2.Tập theo tổ nhóm.**  **2.3.Tập cá nhân**  **3.Trò chơi** “Vòng tròn siêu tốc”  TRÒ CHƠI KẾT THÚC 3  **III. Vận dụng**  - Thả lỏng cơ toàn thân.  - Củng cố hệ thống bài học.  - Nhận xét và hướng dẫn tập luyện ở nhà.  - Xuống lớp. | 5-7’  20-22’  4-6’ | 1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1-2L  1L | - Nghe cán bộ lớp báo cáo.  - Hỏi về sức khỏe của Hs.  - Cô trò chúc nhau.  - Phổ biến nội dung, nhiệm vụ và yêu cầu giờ học.  - GV di chuyển và quan sát, chỉ dẫn cho HS thực hiện.  - Gv tổ chức Hs chơi trò chơi.  - Cho HS quan sát tranh  - GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  - Hô nhịp và thực hiện động tác mẫu, hướng dẫn Hs thực hiện đt.  - Gv quan sát, uốn nắm và sửa sai cho Hs.  - Gv hô nhịp 1 lần và giao cán sự lớp hô.  - Hs tập theo Gv.  - Gv quan sát, sửa sai cho Hs.  - Yêu cầu Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - luyện tập theo khu vực.  - Gv quan sát, uốn nắn, sửa sai cho Hs.  - GV nêu tên trò chơi, phổ biến luật chơi, cách chơi.  - Cùng hs nhắc lại luật chơi và cách chơi.  - Cho Hs chơi thử.  - Tổ chức cho Hs chơi.  - GV hướng dẫn.  - Gv cùng hs hệ thống lại bài (đưa câu hỏi).  - Nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của Hs.  - HD sử dụng SGK để Hs ôn lại bài và chuẩn bị bài sau. | - Cán sư tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp học cho Gv.    GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  -Cán sự điều khiển lớp khởi động .  - Hs chơi đúng luật, nhiệt tình sôi nổi và đảm bảo an toàn.  tc kđ bài 3  - Hs lắng nghe, tiếp thu và ghi nhớ.  - Tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv.    - Hs tiến hành tập luyện theo sự hướng dẫn của Gv và cán sự lớp.  - Hs thay phiên nhau hô nhịp.  LUYỆN TẬP  Hs nhắc lại luật chơi, cách chơi.  - Hs tiến hành chơi trò chơi dưới sự chỉ huy của Gv.  - Chơi trò đúng luật, nhiệt tình, sôi nổi và an toàn.  - HS thực hiện thả lỏng  - Hs cùng Gv hệ thống lại bài (HS quan sát SGK (tranh) trả lời)  GV  \* \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  \* \* \* \* \* \* \*  - HS tập chung thực hiện theo hướng dẫn của GV và nhận hướng dẫn tập luyện ở nhà. |

**MÔN : TOÁN**

**BÀI 16: THẾ KỶ (Tiết 24)**

**Thời gian thực hiện: ngày 10 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù:**

- HS nhận biết được thế kỉ cũng là một đơn vị đo thời gian và xác định được một năm thuộc thế kỉ nào.

- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thế kỉ.

**2. Năng lực chung.**

* Năng lực tư duy và lập luận toán học.
* Năng lực giao tiếp toán học.
* Năng lực giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất.**

- Biết chăm chỉ học tập nghiêm túc.

- Biết quý trọng thời gian.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

SGK và băng giấy vẽ sơ đồ về năm sinh của mỗi người trong gia đình như trong tranh khởi động ( nhằm gợi nên biểu tượng về trục thời gian ).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động khởi động : ( 5p)** | |  |
| - Yêu cầu hs mở SGK, đọc câu hỏi của chú voi.  *Để trả lời được câu hỏi của chú voi.*  - Yêu cầu hs thảo luận nhóm 4 trả lời các câu hỏi:  + Trục thời gian cho biết bố, mẹ, anh Hà, Dung sinh năm nào ?  + Các thành viên trong gia đình bạn sinh năm nào ?  -Yêu cầu hs chia sẻ trước lớp  - Năm nay là năm bao nhiêu ?  -Gv nhận xét: Qua trục thời gian, các em đã biết năm sinh của Bố, mẹ, anh Hà, Dung. Các em cũng đã kể cho nhau nghe những người thân trong gia đình mình sinh năm nào. Vậy năm đó thuộc thế kỉ nào? Chúng ta đang sống ở thế kỉ nào ? Để trả lời được câu hỏi của bạn Voi, chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Thế kỉ  Gv viết bảng | - Chúng ta đang sống ở thế kỉ nào?  + Trục thời gian cho biết bố, mẹ, anh Hà, Dung sinh năm nào ?  (Bố sinh năm 1983; Mẹ sinh năm 1986; Anh Hà sinh năm 2009; Dung sinh năm 2014)  + Các thành viên trong gia đình bạn sinh năm nào ?  (Hs trả lời trong nhóm)  - 1hs điều khiển cho các bạn chia sẻ  - Năm 2023  -Hs viết vào vở |  |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức:(10p)** | |  |
| -Yêu cầu hs thảo luận N4 đọc thông tin trong sách và trả lời các câu hỏi :  + Năm 101 thuộc thế kỉ thứ mấy ?  + Năm 2023 thuộc thể kỉ thứ mấy?  + Thế kỉ X kéo dài từ năm nào đến năm nào?  + Thế kỉ XV kéo dài từ năm nào đến năm nào?  - Gv nhận xét  -Mời hs nhắc lại 1 thế kỷ bằng bao nhiêu năm ? 100 năm bằng bao nhiêu thế kỉ ?  + Em có nhận xét gì về cách ghi tên thế kỉ?  - Để nhận biết một năm thuộc thế kỉ nào. Chúng ta có thể làm dựa vào trục thời gian, …. (giáo viên trình chiếu giải thích)  \*Chốt: Thế kỉ là một đơn vị đo thời gian lớn nhất, 1 thế kỉ =100 năm, người ta dùng chữ số la mã để ghi tên thế kỉ.  *Để giúp các em xác định được một năm thuộc thế kỉ nào và hiểu một số vấn đề thực tiễn liên quan đến thế kỉ.Chúng ta cùng đến với phần luyện tập.* | **-**HS đọc  **1 thế kỷ = 100 năm**  \* Từ năm 1 – năm 100 là thế kỉ thứ I  \* Từ năm 101 – năm 200 là thế kỉ thứ II  …  \* Từ năm 1901 – năm 2000 là thế kỉ thứ XX  \* Từ năm 2001 – năm 2100 là thế kỉ thứ XXI  - Hs hỏi và trả lời  + Năm 101 thuộc thế kỉ thứ mấy ?  (Năm 101 thuộc thế kỷ thứ II)  + Năm 2023 thuộc thể kỉ thứ mấy?  (Năm 2023 thuộc thế kỷ thứ XXI)  + Thế kỉ X kéo dài từ năm nào đến năm nào?  (Thế kỉ X kéo dài từ năm 901 - 1000)  + Thế kỉ XV kéo dài từ năm nào đến năm nào?  (Thế kỉ XV kéo dài từ năm 1501 - 1600)  **-** 1 thế kỉ = 100 năm; 100 năm = 1 thế kỉ  - Tên thế kỉ ghi bằng chữ số La Mã. |  |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập :(15p)** | |  |
| **Bài 1.**  **-**Yêu cầu hs đọc đề bài  - Yêu cầu hs làm Cá nhân – Trao đổi N2 – Chia sẻ trước lớp theo câu hỏi:  + Mỗi người trong gia đình bạn Dung sinh năm nào? Năm đó thuộc thế kỉ nào?  + Hiện tại đang là năm bao nhiêu? Thuộc thế kỉ nào?  - Yêu cầu hs chia sẻ trước lớp.  - Gv nhận xét  Chốt: Bài tập 1 giúp em hiểu thêm điều gì?  + Các em hãy trả lời câu hỏi của bạn Voi: Chúng ta đang sống ở thế kỉ nào ?  *Để hiểu hơn mối quan hệ giữa năm và thế kỉ, chúng ta chuyển sang Bài 2* | -Hs đọc  - Hs suy nghĩ trả lời cá nhân  - N2 hỏi và trả lời:  + Bố Dung sinh năm nào ? Năm đó thuộc thế kỉ nào?  (Bố Dung sinh năm 1983, năm đó thuộc thế kỉ XIX)  + Mẹ Dung sinh năm nào ? Năm đó thuộc thế kỉ nào?  (Mẹ Dung sinh năm 1986, năm đó thuộc thế kỉ XIX)  + Anh Hà sinh năm nào ? Năm đó thuộc thế kỉ nào?  (Anh Hà sinh năm 2009, năm đó thuộc thế kỉ XXI)  + Dung sinh năm nào ? Năm đó thuộc thế kỉ nào?  (Dung sinh năm 2014, năm đó thuộc thế kỉ XXI)  + Hiện tại đang là năm bao nhiêu? Thuộc thế kỉ nào?  (Hiện tại là năm 2023, thuộc thế kỉ XXI)  -Vài nhóm chia sẻ trước lớp  -Em biết xác định một năm thuộc thế kỉ nào.  -Chúng ta đang sống ở thế kỉ thứ XXI |  |
| **Bài 2.**  **-**Yêu cầu hs đọc đề bài  - Yêu cầu hs làm Cá nhân – Trao đổi N2 – chia sẻ trước lớp.  -Khuyến khích hs có thể nêu thêm ví dụ về năm và thế kỉ theo bài 2  **-**Gv nhận xét  \*Chốt: Bài 2 giúp em biết điều gì ?  *Những sự kiện lịch sử đáng nhớ của dân tộc ta diễn ra vào thế kỉ nào. Các em cùng tìm hiểu qua bài tập 3* | **-**Hs đọc đề bài  - N2 trao đổi kết quả, giải thích cách làm  -1HS chia sẻ trước lớp trên Học 10   |  |  | | --- | --- | | 1 thế kỉ=100 năm  100 năm=1 thế kỉ | 4 thế kỉ= 400 năm  9 thế kỉ= 900 năm |   **-**Giải thích cách làm:  1 thế kỉ =100 năm,  Vậy 4 thế kỉ = 100x4=400 năm  1 thế kỉ =100 năm,  Vậy 9 thế kỉ = 100x9=900 năm  -Biết chuyển đổi thế kỉ thành năm và năm thành thế kỉ. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các BT*** |
| **Bài 3.**  **-**Yêu cầu hs đọc đề bài  - Yêu cầu hs làm Cá nhân – Trao đổi N2 làm miệng – Chia sẻ trước lớp  **-Yêu cầu hs chia sẻ trước lớp**  **\*Chốt: Bài tập 3 giúp em hiểu thêm điều gì?**  ***Ngoài các sự kiện lịch sử, cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới được đánh dấu ở những khoảng thời gian nào, Thế kỉ bao nhiêu. Chúng ta cùng tìm hiểu qua Bài 4.*** | -Hs đọc  - Hs suy nghĩ trả lời cá nhân  - N2 hỏi và trả lời:  a)+ Bà Triệu (Triệu Thị Trinh) sinh năm 226. Năm đó thuộc thế kỉ nào?  (thế kỉ thứ III).  + Bà lãnh đạo cuộc khởi nghĩa chống quân Ngô năm 248, khi đó bà bao nhiêu tuổi ?  ( 248 – 226 = 22 )  b)+ Lễ kỉ niệm 600 năm ngày sinh của anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi được tổ chức vào năm 1980. Nguyễn Trãi sinh năm nào? Thuộc thế kỉ nào?  (Ta có: 1980 – 600 = 1380. Như vậy, Nguyễn Trãi sinh năm 1380 thuộc thế kỉ XIV)  c) Bác Hồ sinh năm 1890. Như vậy, Bác Hồ sinh vào thế kỉ nào ? XIX  (Bác Hồ sinh vào thế kỉ XIX)  -1 Hs điều khiển hỏi, mời các bạn trả lời từng ý trước lớp.  - Biết thêm về các sự kiện, nhân vật lịch sử diễn ra vào thế kỉ nào. |  |
| **Bài 4.**  **-**Yêu cầu hs đọc đề bài  -Giải thích ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp  - Yêu cầu hs làm Cá nhân – Trao đổi N2 làm miệng – Chia sẻ trước lớp  - Yêu cầu hs chia sẻ trước lớp  -GV nhận xét  \*Chốt: Bài tập 4 giúp em hiểu thêm điều gì?  *Để giúp các em vận dụng cách xác định một năm thuộc thế kỉ nào vào cuộc sống. Chúng ta cùng làm Bài 4.* | **-**Hs đọc  -Hs lắng nghe, phản hồi nếu chưa hiểu  - Hs suy nghĩ trả lời cá nhân  -N2 hỏi và trả lời:  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất thuộc thế kỉ nào?  (thế kỉ XVIII)  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai thuộc thế kỉ nào?  (thế kỉ XIX)  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba thuộc thế kỉ nào?  (thế kỉ XX)  + Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư thuộc thế kỉ nào?  (thế kỉ XXI)  -1 hs điều khiển hỏi, mời các bạn trả lời  **-**Biết thêm về các cuộc cách mạng công nghiệp trên thế giới. |  |
| **4. Hoạt động vận dụng : (5p)** | |  |
| **Bài 5.**  - Yêu cầu hs đọc đề bài  - Yêu cầu hs làm việc N2 chơi trò chơi Đố bạn  - Yêu cầu hs Chia sẻ trước lớp.  -Gv nhận xét  \*Chốt: Bài tập 5 giúp em hiểu thêm điều gì?  **5.Hoạt động củng cố và nối tiếp:** (5p)  **-GV cho HS nêu cảm nhận hôm nay biết thêm điều gì? Thuật ngữ toán học nào chúng ta cần nhớ ?**  **- Để biết một năm thuộc thế kỉ bao nhiêu ta làm thế nào?**  **Nhận xét tiết học**  **Chuẩn bị bài: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị** | -Hs đọc  - N2 hỏi và trả lời:  image  1 hs điều khiến lớp chia sẻ.  **-**Biết thêm các sự việc trong cuộc sống diễn ra vào thế kỉ nào.  - Em biết thêm một đơn vị đo thời gian là Thế kỉ. Thuật ngữ : 1 thế kỉ = 100 năm  Năm … thuộc thế kỉ thứ …  Thế kỉ … từ năm … đến năm …  - Em cần xác định được từ năm nào đến năm nào là thế kỉ bao nhiêu. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( Nếu có ):**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài: Bài đọc 2: MỘT NGƯỜI CHÍNH TRỰC Số tiết CT: 33**

**Thời gian thực hiện: ngày 10 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Đọc thành tiếng trôi chảy toàn bài. Phát âm đúng các từ ngữ có âm, vần, thanh mà HS địa phương dễ viết sai. Ngắt nghỉ hơi đúng theo các dấu câu và theo nghĩa. Tốc độ đọc khoảng 75 – 80 tiếng/ phút. Đọc thầm nhanh hơn lớp 3.

- Hiểu nghĩa của các từ ngữ khó trong bài. Trả lời được các câu hỏi về nội dung bài. Hiểu ý nghĩa của bầi: ca ngợi tính cách chính trực, luôn vì dân vì nước của Tô Hiến Thành.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Hiểu những chi tiết cho thấy cốt cách chính trực của Tô Hiến Thành; biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân với mọi người.

- Biết cảm nhận những chi tiết cho thấy cốt cách chính trực của Tô Hiến Thành; biết chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân với mọi người.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung:**

- *Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết cùng các bạn thảo luận nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Trả lời đúng các câu hỏi đọc hiểu.

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất.**

- Trung thực: Bồi dưỡng phẩm chất trung thực, ngay thẳng, liêm khiết.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV: KHBD, SGK.

- HS: SGK.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động****(5p)** | |  |
| - GV cho HS chơi trò chơi ô cửa bí mật ( đọc và trả lời các câu hỏi ở bài : cau)  - GV yêu cầu HS đọc tên bài và quan sát bức tranh minh họa trong bài.  - GV giới thiệu bài: *Trong bức tranh, các em thấy hai người đàn ông đang nói chuyện với nhau. Người mặc áo xanh xua tay như đang từ chối điều gì đó. Để biết họ là ai và đang nói chuyện gì, các em hãy đọc bài “Một người chính trực” để cùng nhau tìm hiểu những điều đó nhé!* | - HS tham gia trò chơi  - HS quan sát, trả lời  - HS lắng nghe |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới (18p)** | |  |
| **Hoạt động 1: Đọc thành tiếng**  - GV đọc mẫu toàn bài: giọng thong thả, nhẹ nhàng. Đọc rõ tên các vị vua, quan và các chức vụ có trong triều đình. Nhấn giọng, gây ấn tượng ở những từ ngữ quan trọng hoặc mới lạ đối với học sinh: chính trực, di chiếu, phò tá, thái hậu, tham tri chính sự, giản nghị đại phu, tiến cử. Giọng đọc chậm rãi ở cuối câu.  - HD chung cách đọc toàn bài.  - GV chia đoạn: 3 đoạn  +Đoạn 1: *Từ đầu ... vua Lý Cao Tông.*  +Đoạn 2: *Tiếp đến* .... *tới thăm Tô Hiến Thành được*.  +Đoạn 3 : *Phần còn lại.*  - GV gọi HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp luyện đọc từ khó.  *-* Luyện đọc theo đoạn: GV tổ chức cho HS luyện đọc nối tiếp đoạn theo nhóm 3.  - GV nhận xét các nhóm.  - Yêu cầu HS đọc và giải nghĩa từ ngữ ở phần chú giải trong SGK  - 1 HS năng khiếu đọc toàn bài.  **Hoạt động 2: Đọc hiểu**  - GV gọi HS đọc nối tiếp lần lượt 5 câu hỏi trong SGK.  *-*GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm bài đọc, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.  \*GV theo dõi, hỗ trợ HS gặp khó khăn và lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu.  - GV cho HS trả lời các câu hỏi bằng bình thức trò chơi phỏng vấn:  + Tô Hiến Thành đã thể hiện sự chính trực như thế nào trong việc thực hiện di chuyển của vua Lý Anh Tông ?  + Khi Tô Hiến Thành lâm bệnh nặng. Đỗ thái hậu và vua hỏi ông điều gì? Ông trả lời thế nào?  + Vì sao thái hậu ngạc nhiên khi biết sự lựa chọn của Tô Hiến Thành?  + Tô Hiến Thành giải thích như thế nào về sự lựa chọn của mình?  + Qua lời giải thích của Tô Hiến Thành, em có suy nghĩ gì về tính cách của ông?  - GV hỏi thêm: *Qua bài đọc, em hiểu điều gì về ông Tô Hiến Thành?*  - GV nhận xét, gọi 2 – 3 HS nhắc lại nội dung bài  \*GD học sinh thật thà, ngay thẳng trong học tập và trong cuộc sống; mạnh dạn nói lên ý kiến của mình. | - HS lắng nghe kết hợp theo dõi trong SGK.  - HS lắng nghe cách đọc.  - Theo dõi  - HS đọc nối tiếp theo đoạn kết hợp phát hiện và luyện đọc từ khó  - HS luyện đọc theo nhóm 3 (CN – N).  - 2 nhóm thi đọc trước lớp. Cả lớp theo dõi, nhận xét bạn đọc.  - Hỏi đáp phần chú giải trong SGK theo cặp đôi. Phát hiện và giải nghĩa thêm 1 số từ khác (nếu có).  - Lớp theo dõi, đọc thầm.  - HS đọc tiếp nối 5 câu hỏi; các HS khác lắng nghe, đọc thầm theo.  - Theo dõi  + Bà Chiêu Linh thái hậu muốn lập con mình là Long Xưởng lên ngôi nên cho người đem vàng bạc đút lót vợ Tô Hiến Thành để nhờ ông giúp đỡ. Nhưng ông nhất định không nghe, cứ theo di chiếu lập thái tử Long Cán làm vua.  + Đỗ thái hậu và vua hỏi Tô Hiến Thành định tiến cử ai thay ông. Ông tiến cử gián nghị đại phu Trần Trung Tá.  + Vì thái hậu nghĩ rằng ông sẽ tiến cử tham tri chính sự Vũ Tán Đường. Khi ông bị bệnh, Vũ Tán Đường đã chăm sóc ông rất tận tụy.  + Ông chọn người tài ba giúp nước chứ không chọn người hầu hạ giỏi.  + Ông là một người hết sức chính trực, thẳng thắn, hết lòng vì dân vì nước.  - HS nói theo suy nghĩ cá nhân. VD: Ông là người tài giỏi, được nhà vua hết sức tin cậy.Trong mọi việc, ông luôn thể hiện sự chính trực, ngay thẳng, một lòng trung thành với vua, luôn nghĩ cho nhân dân, cho đất nước. Ông rất dũng cảm, quyết tâm làm theo lẽ phải.  -2 -3 HS nhắc lại nội dung bài. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật trả lời các câu hỏi*** |
| **3. Luyện tập (Đọc nâng cao) (7p)**  *Quan tham chính sự là Vũ Tán Đường /* ***ngày đêm hầu hạ***  *bên giường bệnh.*  *Còn* ***gián nghị đại phu*** *Trần Trung Tá/ do* ***bận nhiều công việc*** */ nên* ***không mấy khi*** *tới thăm Tô Hiến Thành được.*  *Nếu thái hậu hỏi người* ***hầu hạ giỏi*** */ thì thần xin cử Vũ Tán Đường, / còn người*  ***tài ba giúp nước,*** */ thần xin cử Trần Trung Tá.* | |  |
| - Tổ chức cho HS luyện đọc theo nhóm bàn.  - Tổ chức cho HS thi đọc diễn cảm trước lớp.  - GV nhận xét HS đọc bài, tuyên dương, khích lệ HS. | - HS luyện đọc đọc theo nhóm bàn.  - Thi đọc diễn cảm trước lớp.  - Nhận xét bạn đọc và bình chọn bạn đọc tốt nhất. |  |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** **(5p)** | |  |
| - GV yêu cầu HS nêu cảm nhận qua bài học  - GV yêu cấu HS nêu các tấm gương về trung thực trong cuộc sống mà em biết ( đã chuẩn bị ở tiết Nói và nghe : Kể chuyện, Chiếc ví)  - GV nhận xét, tuyên dương | - HS nêu  - HS nêu  - HS lắng nghe |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Môn: Hoạt động trải nghiệm**

**Bài: NIỀM TỰ HÀO CỦA EM Số tiết CT: 14**

**Thời gian thực hiện: ngày 10tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Sáng tạo những mảnh ghép diệu kì.

- Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:KHBD, SGK.

- HS: Giấy, bút, bút màu, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động: (5p)**  - GV cho HS xem video về Tài năng nhí.  - GV đặt câu hỏi: *Video đã gửi tới các em thông điệp gì?*  - GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi.  - GV nhận xét, chốt đáp án*: Video đã cho thấy mỗi bạn nhỏ chúng ta ai cũng có tài năng hay điều mà các em đáng tự hào về bản thân.*  - GV tổng kết và dẫn dắt vào bài học.   * **2. Hình thành kiến thức mới: (25p)**   **Hoạt động 1: Sáng tạo những mảnh ghép kì diệu.**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm 4 – 6 HS:  - GV nhắc HS chuẩn bị giấy, bìa màu, bút, bút màu, hồ dán,...  - GV nêu nhiệm vụ: Các nhóm cùng sáng tạo tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì* thể hiện những đặc điểm đáng tự hào về bản thân của các thành viên trong nhóm cụ thể như sau:   * *- GV gợi ý các nhóm tạo các mảnh ghép theo ý thích như hình tròn, hình trái tim , hình cái cây, hình bông hoa, hình con thuyền,...* * *- Từng thành viên trong nhóm viết những đặc điểm đáng tự hào về bản thân lên mỗi mảnh ghép.* * *- Sau khi các thành viên viết xong, cả nhóm cùng trang trí tác phẩm Những mảnh ghép diệu kì.*   - Các nhóm tiến hành trao đổi và sáng tạo tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì.*    - GV hướng dẫn HS làm việc cả lớp:  - GV tổ chức cho các nhóm chia sẻ và giới thiệu trước lớp tác phẩm *Những mảnh ghép diệu kì* theo các nội dung sau:   * *Nêu ý tưởng sáng tạo tác phẩm Những mảnh ghép kì diệu của nhóm.* * *Giới thiệu tên và những đặc điểm tự hào của các thành viên trong nhóm.* * *Chia sẻ ý nghĩa tác phẩm Những mảnh ghép kì diệu.*   - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp.  - GV mời đại diện 1 – 2 nhóm nhận xét, về tác phẩm của nhóm bạn.  - GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về tác mình phẩm ấn tượng nhất.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận: ***Ai cũng có những đặc điểm đáng tự hào về bản thân mình. Chúng ta có thể tự hào về tài năng của bản thân như bóng đá giỏi, hát hay, vẽ đẹp, biết làm ảo thuật,...hoặc những tính cách của bản thân như vui tính, hài hước, thân thiện, tốt bụng, dũng cảm,...Chúng ta hãy trân trọng đặc điểm đáng tự hào của bản thân và thể hiện sự yêu quý những đặc điểm đáng tự hào của các bạn.***  **Hoạt động 2: Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.**  - GV hướng dẫn HS lựa chọn một đặc điểm tự hào của bản thân. Ví dụ: ca hát, thổi sáo, làm ảo thuật, múa, vẽ tranh, làm thơ, diễn kịch,...  *-* GV tổ chức cho HS thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.  - GV tổ chức bình chọn phần trình diễn ấn tượng bằng cách giơ tay, sử dụng sticker, tặng sao,...  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia thể hiện niềm tự hào của em hoặc khi xem phần trình diễn của các bạn.  - GV tổng kết hoạt động và đưa ra kết luận:***Mỗi người đều có đặc điểm đáng tự hào về bản thân. Các em hãy phát huy đặc điểm đáng tự hào của mình nhé! Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp sẽ giúp các em tự tin hơn, đồng thời là động lực để các em tiếp tục phát triển bản thân trong tương lai.***   * **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp: (5p)** * - GV cùng HS hệ thống lại bài. * - GV nhận xét tiết học. * - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS quan sát video về tài năng nhí.  - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời câu hỏi.  - HS lắng nghe và tiếp thu.  - HS lắng nghe GV giới thiệu bài học.  - HS làm việc nhóm theo hướng dẫn.  - HS chuẩn bị dụng cụ học tập.  - HS lắng nghe và thực hiện theo các bước hướng dẫn của GV.  - HS chọn hình dáng cho những mảnh ghép.  - HS ghi những đặc điểm đáng tự hào về bản thân lên mỗi mảnh ghép.  - HS trang trí tác phẩm.  - HS trao đổi tác phẩm cho nhau để quan sát.  - HS làm việc chung theo hướng dẫn.  - HS chia sẻ các tác phẩm trước lớp.  - HS trình bày.  - HS nhận xét về tác phẩm của nhóm bạn.  - HS chia sẻ tác phẩm bản thân ấn tượng nhất.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe và lựa chọn niềm tự hào của bản thân.  - HS thể hiện niềm tự hào của bản thân. HS khá theo dõi, cổ vũ động viên bạn.  - HS bình chọn theo hướng dẫn.  - HS chia sẻ cảm xúc khi tham gia thể hiện niềm tự hào của em hoặc khi xem phần trình diễn của các bạn.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. | GV giúp đỡ HSKT |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Khoa học : Tuần 5**

**TCT: 10 BÀI 5: SỰ CHUYỂN ĐỘNG CỦA KHÔNG KHÍ ( Tiết 2)**

**Thời gian thực hiện : 10 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức**:

Sau bài học này, HS sẽ:

* Nhận biết được không khí chuyển động gây ra gió và nguyên nhân làm không khí chuyển động.
* Nhận xét, so sánh được mức độ mạnh của gió. Nêu và thực hiện được một số việc cần làm để phòng tránh bão.

**2. Năng lực**:

***Năng lực chung:***

* *Năng lực tự chủ, tự học:* Chủ động học tập, tìm hiểu nội dung bài học, biết lắng nghe và trả lời nội dung trong bài học.
* *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Tham gia tích cực vào các trò chơi, hoạt động khám phá kiến thức.
* *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Thực hiện tốt nhiệm vụ trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**:

* *Phẩm chất nhân ái:* Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
* *Phẩm chất chăm chỉ*: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi, làm tốt các bài tập.
* *Phẩm chất trách nhiệm*: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**a. Đối với giáo viên:**

* Giáo án. . Các tranh ảnh, video liên quan đến bài học.

**b. Đối với học sinh:**

* SHS . Dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

**III . CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động khởi động : (5p)**  **b. Cách thức thực hiện:**  - GV chiếu hình ảnh và dẫn dắt đặt câu hỏi: *Các em đã từng chơi thả diều chưa? Vì sao diều có thể bay lên cao.*  - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân, khuyến khích HS chia sẻ suy nghĩ của mình và chưa cần chốt ý kiến đúng.  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV đặt câu hỏi: *“Vậy cái gì gây ra gió?”*  - GV dẫn dắt vào bài học mới: ***Bài 5 - Sự chuyển động của không khí.***  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới : ( 10p)**  **Hoạt động 4: Tìm hiểu về mức độ mạnh của gió** | - HS quan sát hình, suy nghĩ trả lời câu hỏi mở đầu.    - HS xung phong trả lời:  *Nhờ gió, gió to giúp diều bay cao.*  - HS lắng nghe và suy nghĩ.  - HS theo dõi, ghi bài mới. |  |
| - GV chia lớp thành các nhóm 4 HS.  -  GV yêu cầu HS quan sát hình 8 trang 22 SGK và trả lời câu hỏi:  - GV gợi ý HS: *Căn cứ vào các biểu hiện của cây, khói từu ống khói của ngôi nhà, mái nhà, mây để nhận xét và so sánh.*  - GV gọi đại diện 1 – 2 nhóm trả lời, cả lớp nhận xét.    - GV đánh giá, nhận xét phần trình bày của HS, tuyên dương các HS trả lời tốt.  - GV yêu cầu HS đọc nội dung mục “Em có biết” trang 22 SGK.  - GV dẫn dắt và đặt câu hỏi:  - GV gọi 1 – 2 HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương HS tích cực và trả lời đúng.  **Hoạt động 5: Tìm hiểu một số biện pháp phòng tránh bão**  -  GV yêu cầu HS đọc thông tin Một số biện pháp tránh bão trang 23 SGK.  - GV dẫn dắt, đặt câu hỏi: *Nên làm gì để tránh bão?*  - GV gọi một số HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.    - GV đánh giá, nhận xét phần trình bày của HS, tuyên dương các HS trả lời tốt.  **3. Hoạt động luyện tập , vận dụng : (15p)**  **Hoạt động 6: Liên hệ việc phòng tránh bão ở gia đình và địa phương**  ***Nhiệm vụ 1. Trả lời câu hỏi trắc nghiệm.***  - GV tổ chức cho HS bài tập trắc nghiệm:  **Câu 1:** Đâu không phải việc làm cần thiết để phòng tránh bão khi có bão?  A. Thông tin kịp thời, chính xác vị trí, tình trạng nguy hiểm khi cần cứu nạn, cứu hộ.  B. Không nên ra khỏi nhà, đóng kín các cửa.  C. Trú ẩn dưới gốc cây cổ thụ.  D. Đề phòng tai nạn do đổ nhà, cây cối, cột điện.  **Câu 2:** Biện pháp phòng chống bão là  A. Theo dõi bản tin dự báo thời tiết  B. Gia cố nhà cửa, cưa bớt cành cây to  C. Neo đậu tàu, thuyền  D. Cả A, B, C  **Câu 3:** Đâu không phải việc làm cần thiết để phòng tránh bão trước khi có bão?  A. Thường xuyên theo dõi thông tin cảnh báo bão  B. Gia cố, chằng chống nhà cửa, tỉa cành cây.  C. Dự trữ nước uống, lương thực.  D. Đưa tàu bè ra biển khơi đánh bắt cá.  **Câu 4:** Độ mạnh của gió có thể được chia thành bao nhiêu cấp?  A. 3  B. 10  C. 18  D. Không thể chia  **Câu 5:** Vì sao khi có gió mạnh hay bão không nên trú ngụ dưới bóng cây cổ thụ?  A. Vì cây cổ thụ không che được mưa, gió nên ta vẫn bị ướt và lạnh.  B. Vì cây cổ thụ dễ bị đổ vì gió, bão.  C. Vì cây cổ thụ dễ bị sét đánh.  D. Vì cây cổ thụ có nhiều loại động vật hoang dã trú ngụ.  - GV mời HS trả lời, cả lớp nhận xét.  - GV nhận xét, chốt đáp án, tuyên dương các HS trả lời tốt.  ***Nhiệm vụ 2. Liên hệ việc phòng tránh bão pử gia đình và địa phương***  - GV tổ chức HS thực hiện yêu cầu trong logo luyện tập, vận dụng trang 23 SGK.  *Nêu những việc làm để phòng tránh bão ở gia đình và địa phương em. Trong đó, em đã thực hiện những việc nào?*  - GV gọi một số HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung.  - GV chữa bài, nhận xét và khen thưởng các HS trả lời tốt.  - GV gọi hai HS đọc nội dung kiến thức cốt lõi ở cuối trang 23 SGK.  **4. Hoạt động củng cốvà nối tiếp : ( 5p)**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học theo nội dung:  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học,  - Đọc và chuẩn bị trước bài sau - ***Bài 6: Vai trò của không khí và bảo vệ môi trường không khí.*** | - HS chia theo nhóm.  - HS thực hiện theo yêu cầu.    - HS lắng nghe gợi ý.  - HS trả lời:  - HS chú ý lắng nghe.  - HS thực hiện đọc, tiếp thu.  - HS chú ý quan sát.  - HS lắng nghe và suy nghĩ.  - HS trả lời:    - HS thực hiện theo yêu cầu.    - HS lắng nghe câu hỏi.  - HS trả lời:    - HS chú ý lắng n  - HS chọn đáp án:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | *Câu 1* | *Câu 2* | *Câu 3* | *Câu 4* | *Câu 5* | | *C* | *D* | *D* | *C* | *B* |     - HS thực hiện theo yêu cầu.    - HS trả lời:  - HS thực hiện đọc và ghi nhớ.    - HS chú ý lắng nghe, ghi nhớ.    - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.    - HS chú ý, thực hiện theo yêu cầu của GV. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các BT*** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY : ( nếu có )**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

**MÔN : TOÁN**

**Bài 17: BÀI TOÁN LIÊN QUAN ĐẾN RÚT VỀ ĐƠN VỊ (Tiết 25 )**

**Thời gian thực hiện: ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Biết cách giải “ Bài toán liên quan đến rút về đơn vị” và vận dụng giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: Trao đổi, thảo luận với giáo viên và bạn bè để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng vào thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Áp dụng được phép tính cộng, trừ, nhân, chia để giải quyết bài toán rút về đơn vị.

**3. Phẩm chất.**

- Chăm chỉ: Chăm học, ham học, có tinh thần tự học; chịu khó đọc sách giáo khoa, tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân.

- Trung thực: trung thực trong thực hiện giải bài tập, thực hiện nhiệm vụ, ghi chép và rút ra kết luận.

- Yêu thích môn học, sáng tạo, có niềm hứng thú, say mê các con số để giải quyết bài toán.

- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, phát huy ý thức chủ động, trách nhiệm và bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú trong việc học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- Chuẩn bị một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu tính giá trị một phần (một đơn vị đo đại lượng như độ dài, khối lượng, giá cả, …)

-Bảng phụ, phiếu học tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** | **HĐBT** |
| **1. Hoạt động khởi động :(5p)** | |  |
| Yêu cầu quan sát tranh(trang 41) và cho biết tranh vẽ gì? Hai bạn nói gì với nhau ?  image (1)  + Theo em giá tiền 1 chiếc bút là bao nhiêu ?  + Em làm thế nào để biết 1 chiếc bút giá 6000 đồng  - Gv nhận xét  \*Giới thiệu bài: Như vậy là các em đã trả lời đúng câu hỏi của bạn gái. Giá tiền 1 chiếc bút là 6000 đồng. Vậy muốn mua 8 chiếc bút như thế cần bao nhiêu tiền. Chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay: Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  -Gv ghi bảng. | - Tranh vẽ hai bạn đang ở trong cửa hàng bán sách vở, đồ dùng học tập.  Bạn trai nói : 5 chiếc bút giá 30 000 đ  Bạn gái: Giá tiền 1 chiếc bút là bao nhiêu ?  - HS dự đoán kết quả  -Một chiếc bút có giá là 6000 đ  -Em lấy 30 000 : 5 = 6000 (đ)  -Hs nhắc lại và viết bài vào vở. |  |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức: ( 10p)** | |  |
| -Yêu cầu hs đọc bài toán trong sách/41  -Yêu cầu hs làm việc N2 phân tích bài toán giống như 2 bạn ở trong sách.  -Mời hs chia sẻ trước lớp  \* Như vậy muốn biết 8 chiếc bút phải trả bao nhiêu tiền thì chúng ta phải biết 1 chiếc bút giá bao nhiêu. Đi tìm giá của 1 chiếc bút được gọi là “Rút về đơn vị” Hay “tìm giá trị 1 phần”. Tìm số tiền phải trả cho 8 chiếc bút gọi là “tìm giá trị nhiều phần”  - Đây là Bài toán liên quan đến rút về đơn vị. Khi giải bài toán, chúng ta thực hiện theo mấy bước?  -Yêu cầu hs nhắc lại cách giải bài toán  -Yêu cầu hs thảo luận N2 nêu ví dụ bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  \*Chốt: Hôm nay các em đã biết thêm một dạng toán đó là gì?  - Muốn giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị chúng ta thực hiện theo mấy bước? Đó là những bước nào?  *Để giúp các em khắc sâu thêm cách giải bài toán liên quan đến rút về đơn vị, cô trò mình cùng đến với Bài tập 1* | -1 hs đọc  -N2 phân tích bài toán.  +Bài toán cho biết gì ?  (bài toán cho biết: cửa hàng bán 5 chiế bút chì giá 30 000 đồng)  +Bài toán hỏi gì?  (Bình muốn mua 8 chiếc bút chì như thế phải trả bao nhiêu tiền)  + Làm thế nào để biết được Bình phải trả bao nhiêu tiên?  (Tính giá tiền 1 chiếc bút rồi tính số tiền 8 chiếc bút)  Bài giải  Giá tiền 1 chiếc bút chì là:  30 000 : 5 = 6000 (đồng)  Mua 8 chiếc phải trả số tiền là:  6000 x 8 = 48 000 (đồng)  Đáp số: 8000 đồng  -2 hs chia sẻ  -Hs lắng nghe  -Thực hiện 2 bước  \* Bước 1: Tìm giá trị 1 phần (thực hiện phép chia.  \* Bước 2: Tìm giá trị nhiều phần (thực hiện phép nhân)  -Hs nhắc lại  -N2 nêu ví dụ cho nhau nghe.  (3 nhóm có 12 người. Hỏi 4 nhóm có bao nhiêu người)  (5 can chứa 10 lít nước. Hỏi 6 can chứa bao nhiêu lít nước)  -Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  -Thực hiện 2 bước  \* Bước 1: Tìm giá trị 1 phần (thực hiện phép chia.  \* Bước 2: Tìm giá trị nhiều phần (thực hiện phép nhân) |  |
| **3. Hoạt động thực hành, luyện tập : (15p)** | |  |
| **Bài 1.**  **-**Yêu cầu hs đọc Bài 1a  -Yêu cầu 2 hs phân tích bài toán  -Yêu cầu hs làm bài cá nhân vào vở BTT-Trao đổi N2 – Chia sẻ trước lớp (1hs làm bảng phụ)  -Giáo viên nhận xét.  - Yêu cầu hs đọc Bài 1b  -Yêu cầu 2 hs phân tích bài toán  -Yêu cầu hs làm bài cá nhân vào vở BTT-Trao đổi N2 – Chia sẻ trước lớp (1hs làm bảng phụ)  -Giáo viên nhận xét  + Em có nhận xét gì về ý a và b trong bài tập 1 ?  + Tại sao em không lấy 16 000 đ x 1 ?  Mà lấy 16 000 đ x 5  \*Chốt: Bài tập 1 giúp em củng cố lại kiến thức nào đã học ?  **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp : ( 5P)**  -Em hãy nhắc lại cách giải Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  Bài toán liên quan đến rút về đơn vị có thể giải bằng cách nào nữa, chúng ta cùng đến với Bài 2 | **-**Hs đọc bài  -2hs phân tích trước lớp  - Cá nhân làm bài vào vở BTT  -N2 trao đổi, sửa sai cho nhau nếu có.  -1hs chia sẻ bài trước lớp. Mời các bạn nhận xét.  Bài giải  Mua 1 hộp sữa chua hết số tiền là:  32 000 : 4 = 8000 (đồng)  Mua 6 hộp sữ chua hết số tiền là:  8000 x 6 = 48 000 (đồng)  Đáp số: 48 000 đồng  **-**Hs đọc bài  -2hs phân tích trước lớp  - Cá nhân làm bài vào vở BTT  -N2 trao đổi, sửa sai cho nhau nếu có.  -1hs chia sẻ bài trước lớp. Mời các bạn nhận xét.  Bài giải  Một kg dưa hấu có giá tiền là:  48 000 : 3 = 16 000 (đồng)  Mua 1 quả dưa hấu nặng 5kg hết số tiền là:  16 000 x 5 = 80 000 (đông)  Đáp số: 80 000 đồng  -Ý b khác ý a ở chỗ bài toán hỏi mua 1 quả dưa hấu hết bao nhiêu tiền.  - Vì 16 000 đ là giá tiền của 1kg dưa không  phải 1 quả dưa.  - Giải Bài toán liên quan đến rút về đơn vị.  -Hs nhắc lại. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các BT*** |
|  |  |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY ( Nếu có ):**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài: Luyện từ và câu: NHÂN HÓA Số tiết CT: 34**

**Thời gian thực hiện: ngày 11tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Hiểu biện pháp tu từ nhân hóa. Nhận biết các biện pháp nhân hóa trong các bài văn, bài thơ, câu chuyện, vở kịch,…Biết các câu văn có sử dụng biện pháp nhân hóa.

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

Nhận biết tác dụng của biện pháp nhân hóa trong việc tăng tính gợi hình, gợi tả cho bài văn, bài thơ. Biết sử dụng từ ngữ nhân hóa để đặt câu tả con vật, cây cối một cách gợi tả, giàu hình ảnh.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết chủ động suy nghĩ để đưa ra câu trả lời theo quan điểm cá nhân.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi ý kiến với các bạn, tự tin trong giao tiếp

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

- Chăm chỉ: Chăm chỉ làm bài tập, trả lời các câu hỏi trong bài

- Trách nhiệm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV: nhận xét ngữ liệu, tìm hiểu bài học, luyện tập vận dụng

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: KHBD, SGK, Phiếu BT.

- HS: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động (5p)** | |  |
| - GV tổ chức cho HS hát và múa khởi động  - Gv giới thiệu bài mới: Nhân hóa | - HS hát.  - HS lắng nghe. |  |
| **2. Hình thành kiến thức mới: (10p)** | |  |
| **Hoạt động 1: Nhận xét**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm đôi vào phiếu bài tập  - GV gọi 3 đến 4 nhóm trình bày kết quả  + Các sự vật “ trời”, “mây”, “sấm” được gọi bằng những từ ngữ nào?  +Các sự vật trên và “trăng”, “sao”, “ đất” được tả bằng những từ ngữ nào?  - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  **Hoạt động 2: Rút ra bài học**  - Gọi HS đọc to bài học.  - GV giải thích kĩ hơn về nội dung bài học; giúp học sinh phân biệt rõ 3 kiểu nhân hóa khác nhau.  - GV hướng dẫn HS đọc lại bài Ông trời bật lửa để xác định 3 kiểu nhân hóa.  -GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi, nhắc lại thông tin chính để khắc sâu nội dung bài học.  -GV mời HS nhắc lại và lấy thêm ví dụ về nhân hóa.  -GV nhận xét và tổng kết. | - 1 HS đọc  - HS làm việc theo nhóm đôi vào phiếu học tập  - Đại diện nhóm trình bày kết quả  +Bằng những từ ngữ chỉ người: ông trời, chị mây, ông sấm  + Bằng những từ ngữ thương dùng để tả con người: ông trời bật lửa, chị mây kéo đến; ông sấm vỗ tay cười…  -HS nhận xét  -HS lắng nghe.  - 2HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.  - HS lắng nghe.  -3HS đọc.  -HS làm việc nhóm đôi, nhắc lại thông tin.  + Gọi sự vật bằng từ ngữ dùng để gọi người: Bác gà trống, chị thỏ nâu, em cún, chị tre, nàng mây,..  + Tả sự vật bằng những từ ngữ tả người: Cái na đã tỉnh giấc rồi/ Đàn chuối đứng vỗ tay cười, vui sao! Chị tre chải tóc bên ao / Nàng mây áo trắng ghé vào soi gương…  + Nói với sự vật như nói với người: Trâu ơi ta bảo trâu này,…  -4HS nhắc lại.  - HS nhận xét, lắng nghe. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật hoàn thành các câu hỏi*** |
| **3. Hoạt động luyện tập, thực hành (15p)** | |  |
| **Hoạt động 1: Tìm biện pháp nhân hóa trong hai khổ thơ cuối của bài thơ ( BT1)**  -GV mời 2 HS đọc lại 2 khổ thơ trích từ bài Cau.  -GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm 2 khổ thơ, thảo luận nhóm đôi để TLCH.  -GV mời 1-2HS TLCH trước lớp.  -GV nhận xét.  **Hoạt động 2: Nêu tác dụng của biện pháp nhân hóa trong hai khổ thơ của bài thơ “Cau” (BT2)**  -GV mời 2 HS đọc lại 2 khổ thơ trích từ bài Cau.  -GV giao nhiệm vụ cho HS đọc thầm 2 khổ thơ, thảo luận nhóm đôi để TLCH.  -GV mời 1-2HS TLCH trước lớp.  -GV nhận xét.  **Hoạt động 3: Viết 1-2 câu có sử dụng hình ảnh nhân hóa ( BT3)**  -GV gọi 1HS đọc yêu cầu BT3.  **-**GV phân tích câu mẫu, hướng dẫn cho HS nhận biết sự vật được nhân hóa và các từ ngữ nhân hóa trong câu.  -GV yêu cầu HS đọc lại bài học về biện pháp nhân hóa, sau đó làm việc cá nhân.  -GV mời 2-3HS đọc to câu văn đã viết trước lớp.  -GV mời HS nhận xét. | -2HS đọc.  -HS lắng nghe và thực hiện.  -2HS trả lời: Trong 2 khổ thơ, tác giả đã dùng các từ ngữ con người để tả cây cau ( khiêm nhường, mảnh khảnh, da, tấm lòng, thơm thảo, thương yêu).  - HS lắng nghe.  -2HS đọc.  -HS lắng nghe và thực hiện.  -2HS trả lời:Biện pháp nhân hóa trong hai khổ thơ khiến cho hình ảnh cây cau trở nên sống động và thân mật, gần gũi với con người.  -HS lắng nghe.  -1HS đọc, cả lớp đọc thầm theo.  -HS lắng nghe.  -3HS đọc trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.  -3HS đọc.  +Chú ếch con đang học bài.  +Cây xanh đang vươn mình đón nắng.  -HS nhận xét. |  |
| **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp** **(5p)** | |  |
| **-** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi truyền điện: Đặt câu chứa hình ảnh nhân hóa  - GV nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS tham gia trò chơi  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*……………………………………………………………………………………………………………………....…………………………………………………………………………………………………*

**Môn: Tiếng Việt**

**Bài: Bài viết 2: LUYỆN TẬP TẢ CÂY CỐI Số tiết CT: 35**

**Thời gian thực hiện: ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Phát triển các năng lực đặc thù**

***1.1. Phát triển năng lực ngôn ngữ***

- Biết tóm tắt bài văn để tìm ra các ý chính của bài.

- Biết quan sát và ghi lại kết quả quan sát một cây hoa ( hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh).

***1.2. Phát triển năng lực văn học***

- Biết cảm thụ vẻ đẹp của những từ ngữ gợi tả, những câu văn giàu hình ảnh.

**2. Góp phần phát triển các năng lực chung**

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* Biết thảo luận nhóm về nội dung và cấu trúc của bài văn miêu tả cây cối.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Vận dụng những kiến thức đã học để tìm tòi, mở rộng, giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* Biết tự giải quyết nhiệm vụ học tập: tóm tắt bài văn theo các ý chính; quan sát và ghi lại kết quả quan sát một cây hoa (hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh).

**3. Góp phần phát triển các phẩm chất**

**-** Chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận.

- Trách nhiệm: Hoàn thành nhiệm vụ học tập thep yêu cầu của GV.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: KHBD, SGK.

- HS: SGK, VBT.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **1. Khởi động (3p)** | | |
| - GV tổ chức cho HS hát bài hát  - GV dẫn dắt vào bài mới: Trong tiết học trước, các em đã được đọc các bài văn Cây bàng và Cây si, đồng thời được tìm hiểu cấu tạo của bài văn tả cây cối. Trong bài hôm nay, các em sẽ vận dụng những kiến thức đã học để tóm tắt bài văn tả cây cối, sau đó quan sát và ghi lại kết quả quan sát một cây hoa ( hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh) mà em yêu thích. | - HS hát.  - HS lắng nghe. |  |
| **2. Hoạt động luyện tập, thực hành (27p)** | | |
| **Hoạt động 1: Tóm tắt bài văn Cây si theo bố cục 3 phần (BT1)**  - Gọi HS đọc yêu cầu bài, cả lớp đọc thầm.  - GV tổ chức cho HS làm việc theo nhóm 2 và gọi đại diện các nhóm lên trình bày.    - GV gọi HS nhận xét  - GV nhận xét, tuyên dương  **Hoạt động 2: Quan sát và ghi lại kết quả quan sát cây (BT2)**  **2.1) Quan sát**  -GV mời 1HS đọc to yêu cầu BT2.  -GV hướng dẫn HS tiến hành quan sát theo các gợi ý trong BT 2:  a) GV có thể đưa HS ra vườn trường hoặc sân trường, quan sát các cây trong thực tế. Trong trường hợp không thể quan sát cây trong thực tế, GV yêu cầu mỗi HS đưa ra bức tranh/ ảnh đã chuẩn bị trước về một cây hoa ( hoặc cây ăn quả, cây bóng mát, cây lương thực, cây cảnh) mà HS thích và tiến hành quan sát cây đó.  b) GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, quan sát các chi tiết sau:  -Quan sát hình dáng của cây.  -Quan sát các bộ phận của cây.  -GV yêu cầu HS tự quan sát cây theo hướng dẫn của GV, trao đổi với bạn cùng nhóm kết quả quan sát của mình.  c) GV hướng dẫn HS làm việc nhóm đôi, nhận biết cách thức quan sát cây.  d) GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, ghi lại vắn tắt kết quả quan sát.  **2.2) Trao đổi về kết quả quan sát**  - GV yêu cầuHS trao đổi với bạn cùng nhóm đôi về kết quả quan sát của mình  - GV mời một vài HS đọc to kết quả quan sát vừa ghi chép.  - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc  - HS làm việc theo nhóm 2 và đại diện các nhóm trình bày.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Bố cục** | **Ý chính của đoạn** | **Nội dung** | | MB | Giới thiệu về cây si | Cây si luôn già hơn những cây khác. | | TB | Miêu tả các bộ phận của cây si | Rễ: rậm, dài, nhìn giống bộ râu; chuyển màu trắng vào ngày sắp mưa hoặc sau mưa.  Rễ si khác với rễ đa: rễ si không thành những thân phụ, còn rễ đa ăn xuống đất, lớn lên, thành thân phụ | | Lá: nhỏ, nhiều, cho bóng mát rượi, không rụng hàng loạt, xanh tươi quanh năm. | | KB | Nêu cảm nghĩ về cây si | Cây si có ích lợi với con người: Lá si cho bóng mát, còn rễ si khiến trẻ nhớ về ông nội, ông ngoại |   - HS nhận xét.  - HS lắng nghe  -HS đọc.  -HS lắng nghe.  -HS làm việc nhóm đôi.  -HS tự quan sát theo hướng dẫn của GV, trao đổi với bạn.  -HS lắng nghe và thực hiện  + HS quan sát bằng mắt, bằng tay, bằng mũi ( nếu quan sát cây cối trong thực tế).  +HS quan sát bằng mắt ( nếu xem tranh/ ảnh về cây).  - HS trao đổi nhóm đôi.  - 4HS đọc bài làm.  - HS lắng nghe. | GV gợi ý , hổ trợ , giúp đỡ HS khuyết tật quan sát kĩ một cây để tả |
| **3. Hoạt động củng cố và nối tiếp** **(5p)** | | |
| -GV yêu cầu HS nêu cảm nghĩ sau khi viết bài.  - GV nhận xét tiết học, tuyện dương.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS nêu.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - HS lắng nghe. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

**Môn: Sinh hoạt tập thể +Hoạt động trải nghiệm**

**Bài: TỔNG KẾT TUẦN 4 + TRÒ CHƠI CHUYẾN XE KÌ THÚ Số tiết CT: 4+ 15**

**Thời gian thực hiện: ngày 11 tháng 10 năm 2024**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức**

- Giới thiệu được đặc điểm, những việc làm đáng tự hào của bản thân.

**2. Năng lực**

***Năng lực chung:***

*- Năng lực giao tiếp, hợp tác:* khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập hay theo nhóm; trao đổi tích cực với giáo viên và các bạn khác trong lớp.

*- Năng lực tự chủ và tự học:* biết lắng nghe và chia sẻ ý kiến cá nhân với bạn, nhóm và GV. Tích cực tham gia các hoạt động trong lớp.

*- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: biết phối hợp với bạn bè khi làm việc nhóm, tư duy logic, sáng tạo khi giải quyết vấn đề.

***Năng lực riêng:***

- Sáng tạo những mảnh ghép diệu kì.

- Thể hiện niềm tự hào của bản thân trước lớp.

**3. Phẩm chất**

*- Tự tin, trách nhiệm:* tự tin thể hiện niềm tự hào của bản thân,có ý thức tự giác; tinh thần trách nhiệm trong hoạt động nhóm.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

- GV:KHBD, SGK.

- HS: Giấy, bút, bút màu, SGK, VBT Hoạt động trải nghiệm 4.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | **HĐBT** |
| **Hoạt động 1: Hoạt động tổng kết tuần 4**  - GV ổn định trật tự lớp học, tổng kết những hoạt động của tuần 1 và nêu những kế hoạch học tập và hoạt động trong tuần 2.  - GV nhận xét về ý thức học tập của một số bạn trong lớp và tiến hành tuyên dương bạn có ý thức tốt, nhắc nhở bạn có ý thức chưa tốt.  **Hoạt động 2: Trò chơi chuyến xe kì thú.**  - GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm.  - GV chia lớp thành các nhóm.  - GV chuẩn bị cho mỗi nhóm: xúc xắc, các quân chơi và sơ đồ chơi trong SGK tr.18    - GV giới thiệu cho HS trò chơi Chuyến xe kì thú và phổ biến luật chơi:   * *Từng bạn trong nhóm gieo xúc xắc và di chuyển số ô bằng số chấm trên xúc xắc.* * *Thực hiện yêu cầu trên ô tương ứng bằng hành động hoặc mô tả cụ thể.* * *Người về đích đầu tiên là người thắng cuộc.*   - GV hướng dẫn làm việc cả lớp.  - GV tổ chức các nhóm cùng chơi *Chuyến xe kì thú.*  - GV mời một số HS chia sẻ cảm xúc sau khi tham gia trò chơi.  - GV kết luận: ***Chúng ta đã thực hiện xong trò chơi Chuyến xe kì thú. Trò chơi giúp chúng ta có cơ hội và mạnh dạn thể hiện đặc điểm tự hào của bản thân.***  **Hoạt động 3: Hoạt động củng cố và nối tiếp**  - GV dặn dò HS viết bức thư tham gia cuộc thi *Viết thư cho tương lai.*  - GV nhận xét tiết học.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS chú ý lắng nghe  - HS lắng nghe và vỗ tay tuyên dương những bạn có ý thức tốt, động viên những bạn còn kém.  - HS hoạt động theo nhóm.  - HS về nhóm theo hướng dẫn.  - HS nhận dụng cụ từ GV.  - HS lắng nghe.  - HS tham gia chơi trò chơi.    - HS chia sẻ về cảm xúc của bản thân.  - HS lắng nghe, tiếp thu.  - HS lắng nghe và thực hiện.  - HS lắng nghe.  - HS lắng nghe. | ***\* GV gợi ý hổ trợ cho HS khuyết tật tham gia chơi trò chơi*** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có)**

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*